

Số 28/KH-MNSC

Bắc Gia Nghĩa, ngày 30 tháng 9 năm 2025

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHĂM SÓC GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2025 – 2026**

Căn cứ Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Kế hoạch số 697/SGDĐT-GDMN ngày 05 tháng 9 năm 2025 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026;

Căn cứ kế hoạch số 26/KH-MNSC ngày 29 tháng 9 năm 2025 về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 – 2026 của trường mầm non Sơn Ca;

Căn cứ vào tình hình thực tế của trường, lớp, của địa phương. Chuyên môn, tổ khối, giáo viên cốt cán phối hợp với nhà trường cùng xây dựng kế hoạch thực hiện chăm sóc giáo dục năm học 2025 - 2026 với những nội dung như sau:

I. Đặc điểm tình hình

Tổng số giáo viên trong nhà trường: 18 đ/c

Trình độ chuyên môn: + Đạt chuẩn: 18 đ/c, đạt tỷ lệ trên chuẩn 100%.

Được chia làm 03 tổ gồm:

Tổ nhà trẻ - mầm: 09 đ/c: Tổ trưởng: Nguyễn Thị Hằng

Tổ chồi: 04 đ/c: Tổ trưởng: Trần Thị Lệ Nghĩa

Tổ lá: 05 đ/c: Tổ trưởng: Nguyễn Thị Kim Lộc

Tổng số học sinh trong nhà trường: 157 cháu/ 8 lớp học. Trong đó: Nhà trẻ 02 lớp; Lớp mầm: 02 lớp; Lớp chồi: 02 lớp; Lớp lá: 02 lớp.

- Số học sinh được chia theo các lớp như sau:

Stt	Lớp	Sĩ số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Ghi chú
01	Nhà trẻ 1	14	6	1	0	
02	Nhà trẻ 2	14	9	0	0	
03	Mầm 1	18	6	0	0	
04	Mầm 2	13	7	1	1	
05	Chồi 1	24	8	1	0	
06	Chồi 2	20	12	2	1	

07	Lá 1	28	13	0	0	
08	Lá 2	26	15	3	2	
Tổng		157	76	8	4	

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm của Đảng ủy, chính quyền địa phương và phòng văn hóa xã hội Bắc Gia Nghĩa.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên thường xuyên tham gia các lớp tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, nhiệt tình hăng say có trách nhiệm trong công việc, luôn tâm huyết với nghề, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong những năm qua có sự chuyển biến tích cực. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi được quan tâm đầu tư xây dựng.

Các bậc cha mẹ trẻ luôn tham gia nhiệt tình ủng hộ, luôn phối kết hợp tốt trong việc chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. 100% học sinh học bán trú tại trường.

Hệ thống phòng học đã được xây dựng kiên cố, khang trang, sạch đẹp, các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học tương đối đảm bảo.

2. Khó khăn

Công tác huy động trẻ trong địa bàn ra lớp còn nhiều hạn chế do địa bàn rộng, do ảnh hưởng của việc sáp nhập tỉnh.

Một số đồng chí giáo viên chưa mạnh dạn thiếu sự sáng tạo trong đổi mới phương pháp dạy và học, việc ứng dụng công nghệ sử dụng các phần mềm chưa thành thục.

Một số giáo viên áp dụng phương pháp dạy học giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo hướng trải nghiệm đôi khi hiệu quả chưa cao.

Một số lớp mầm, chòi đồ dùng đồ chơi bị hư hỏng nhiều, việc huy động xã hội hóa hạn chế nên đồ dùng đồ chơi chưa phong phú về chủng loại và đồng bộ.

II. Nhiệm vụ chung

Chủ đề năm học 2025 - 2026 “Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển”.

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý đối với GDMN; đổi mới công tác quản lý, quản trị cơ sở GDMN; đảm bảo dân chủ, kỷ cương nền nếp, chất lượng, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình trong quản lý các hoạt động giáo dục tại các cơ sở GDMN. Có giải pháp phù hợp, kịp thời đề hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

2. Thực hiện nghiêm công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em. Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; chuẩn bị các điều kiện để triển

khai thí điểm Chương trình GDMN mới từ năm học 2026-2027 và triển khai Chương trình GDMN mới theo kế hoạch của Bộ.

Tổ chức cho trẻ em mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định.

Thực hiện chủ đề năm học “Kỷ cương, sáng tạo, đột phá và phát triển” gắn với phong trào thi đua “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm”, đồng thời nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”.

3. Phối hợp và thực hiện giải pháp xã hội hoá giáo dục bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, lộ trình thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại địa phương, huy động 100% trẻ 5 tuổi đến trường đến lớp.

4. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng GDMN, phát triển mạng lưới trường, lớp, tiếp tục thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non. Nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng yêu cầu đổi mới; xây dựng, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng; bố trí đủ số lượng GVMN theo định mức quy định để thực hiện Chương trình GDMN.

5. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi (PCGDMNTNT). Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng trẻ em mầm non, quan tâm đến đối tượng là trẻ là người dân tộc thiểu số (DTTS) gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS); Công tác tuyên truyền về GDMN trong công tác giảng dạy.

7. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền và đúng quy định.

III. Nhiệm vụ cụ thể

1. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

* Triển khai kịp thời, đầy đủ các văn bản, chính sách về GDMN

Thường xuyên cập nhật kịp thời, thực hiện nghiêm túc quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, chính sách về GDMN; đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN; thực hiện hiệu quả đổi mới công tác quản lý theo hướng phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm.

Tiến hành rà soát các chỉ tiêu, mục tiêu tại các Đề án, Quyết định, Kế hoạch của nhà trường, tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện Chương trình GDMN trong phạm vi quản lý và có các giải pháp hoàn thành đúng tiến độ; thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3 - 5 tuổi và đổi mới Chương trình GDMN;

Tiến hành xây dựng các hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục để đáp ứng mục tiêu Chương trình GDMN, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; gắn quyền tự chủ với cơ chế giám sát và nâng cao trách nhiệm.

Tăng cường đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn thực sự có chất lượng và hiệu quả. Mỗi tổ khối có ít nhất 1-2 chuyên đề/tổ (khối) vận dụng giáo dục STEM/STEAM/1 năm học. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác soạn giảng và tổ chức các hoạt động cho trẻ. Thực hiện tinh giảm hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Các loại hồ sơ sổ sách của nhà trường, tổ khối và giáo viên được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020. Bảo đảm đầy đủ, kịp thời quy định về công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT.

2. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

2.1 Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em; phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

Chỉ đạo giáo viên sẵn sàng thích ứng linh hoạt với tình hình thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo về thể chất và tinh thần cho trẻ.

Tăng cường quán triệt đội ngũ giáo viên thực hiện nghiêm quy định về công tác phòng chống bạo hành trẻ em, 100% các nhóm/lớp bảo đảm an toàn cho trẻ về thể chất và tinh thần. Đầu năm học các nhóm lớp chủ động tổ chức rà soát các tiêu chí về trường, lớp học an toàn phòng chống tai nạn thương tích theo quy định tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021.

Tăng cường lồng ghép, tích hợp hiệu quả trong tổ chức bồi dưỡng chuyên môn kiến thức pháp luật liên quan công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em; chú trọng công tác tự kiểm tra, đánh giá tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ em. Lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy cho trẻ phù hợp với khả năng của trẻ bằng các hoạt động trải nghiệm.

2.2. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN.

2.2.1. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em

Phối hợp với bộ phận bán trú chỉ đạo giáo viên các lớp phối hợp thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng (sổ theo dõi sức khỏe) bằng biểu đồ tăng trưởng; phối hợp với cha mẹ trẻ thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em.

Phối hợp với bộ phận bán trú giám sát định kỳ hoặc đột xuất bữa ăn tại trường và các điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Không để xảy ra tình trạng ngộ

độc thực phẩm, bạo hành trẻ trong nhà trường, trong quá trình thực hiện nếu xảy ra vấn đề gì kịp thời báo về ban giám hiệu kịp thời.

Giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự phục vụ và bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế. Tăng cường dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm bảo đảm hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn, trang bị kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao; tăng cường giáo dục kỹ năng xã hội, thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho trẻ.

2.2.2. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN và phát triển Chương trình trong nhà trường, chỉ đạo triển khai các giải pháp, chủ động phát triển Chương trình phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương, khả năng, nhu cầu và hứng thú của trẻ.

Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện trẻ em theo Chương trình GDMN, khuyến khích tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi, phương pháp giáo dục tiên tiến,...

Năm học 2025 - 2026, đẩy mạnh tích hợp/lồng ghép “giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em” bảo đảm điều kiện, môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục trong thực hiện Chương trình GDMN: giáo dục quyền con người, giáo dục giới; an toàn giao thông; tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

Phát huy và nhân rộng kết quả từ những sáng kiến trong Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm", thực hiện áp dụng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện của trường, địa phương.

Tăng cường tiếng Việt cho trẻ người DTTS; chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ em mẫu giáo trước khi vào lớp Một.

Bảo đảm chất lượng giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hòa nhập theo quy định; Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ em; tăng cường phát hiện sớm, can thiệp sớm; Thực hiện đúng việc cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật nhằm đảm bảo quyền lợi của trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục có trẻ em khuyết tật học hòa nhập. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cha mẹ trẻ và cộng đồng

về giáo dục hòa nhập đối với trẻ em và trẻ khuyết tật để đảm bảo cơ hội trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trường (nếu có).

Chuẩn bị toàn diện cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp Một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp Một: Phối hợp với gia đình, cộng đồng, tuyên truyền việc trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình GDMN bảo đảm điều kiện vào học lớp Một; Tăng cường giải pháp thực hiện hiệu quả hoạt động chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp Một;

Tuyệt đối không tổ chức dạy trước Chương trình lớp Một cho trẻ dưới mọi hình thức. Triển khai thực hiện Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 4222/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Triển khai hiệu quả hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ở những nơi đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT; bảo đảm phù hợp với nhu cầu, sự tự nguyện của cha mẹ trẻ, đồng thời tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ phát triển ngôn ngữ và khả năng làm quen tiếng Anh cho trẻ (Thực hiện do nhà trường lựa chọn 01 bộ tài liệu làm quen tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo Monkey Kindy theo Danh sách Tài liệu làm quen tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo Monkey Kindy đã được Bộ GDĐT phê duyệt theo Quyết định số 2263/QĐ-BBGDĐT ngày 08/08/2025).

*** Chỉ tiêu và biện pháp thực hiện**

- Đối với giáo viên

100% giáo viên thực hiện tích cực, có hiệu quả Cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

100% giáo viên nhà trường vững vàng nghiệp vụ chuyên môn: Năng động, sáng tạo trong công việc, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất lối sống, lương tâm trách nhiệm nhà giáo trong thời kỳ hội nhập.

100% giáo viên biết vận dụng phương pháp giáo dục phù hợp với trẻ, giáo dục trẻ các hành vi văn minh, phát huy tính tích cực và mạnh dạn của trẻ tham gia vào các hoạt động học tập, vui chơi.

100% giáo viên tâm huyết với nghề, soạn giảng đúng quy định theo phân phối chương trình. Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, có cải tiến phương pháp soạn giảng, phương pháp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trẻ theo chương trình GDMN, lên lớp đúng giờ giấc, đảm bảo ngày giờ công cao. Đón và trả trẻ đúng thời gian quy định.

100% giáo viên có ý thức tự học, tự rèn. Tích cực tham gia thao giảng, dự giờ, các Hội thi do trường cũng như ngành tổ chức.

8/8 nhóm, lớp xây dựng lớp học hạnh phúc an toàn, Trường Xanh - Sạch - Đẹp, An toàn thân thiện. Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện giữa cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh.

Kiểm tra hồ sơ sổ sách: 3 lần/năm

Thao giảng: 2 tiết/ năm/1 giáo viên.

Định mức mỗi giáo viên phải dự giờ đồng nghiệp được 20 tiết/ năm học

Tổ trưởng chuyên môn phải dự 1 tiết/ 1 gv/ năm.

Chuyên đề: Thực hiện 1-2 chuyên đề/tổ/năm.

100% giáo viên ứng dụng CNTT vào soạn giảng

Sinh hoạt tổ khối chuyên môn: 2 lần/ tháng

Kiểm tra toàn diện 30% giáo viên.

Kiểm tra đột xuất giáo viên 02 lần/năm.

Kiểm tra chuyên đề GV từ 01 lần/năm.

Tham gia thi giáo viên giỏi cấp trường (nếu có)

Tổ chức hội thi “Cô và bé với đồ dùng, đồ chơi tự tạo” cấp trường, mỗi tổ 2 – 3 bộ/tổ

100% giáo viên đảm bảo an toàn, không xảy ra tai nạn thương tích cho trẻ

100% giáo viên thực hiện học tập BDTX có hiệu quả.

*** Biện pháp**

Đầu năm ổn định nề nếp dạy và học, biên chế lớp phù hợp, tăng cường làm đồ dùng, đồ chơi, giáo viên lập kế hoạch giảng dạy phù hợp chủ đề, phù hợp độ tuổi trẻ.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên trong tổ.

Tuyên truyền tới phụ huynh, động viên trẻ đi học chuyên cần, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần cho trẻ.

Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần phù hợp đặc điểm tình hình khả năng của trẻ, khuyến khích tạo điều kiện cho giáo viên phát huy năng lực sáng tạo của mình, tự học, tự rèn các kỹ năng cần thiết cho hoạt động giảng dạy, mạnh dạn đổi mới tổ chức môi trường giáo dục trong hoạt động và ngoại khóa.

Chuyên môn, tổ khối có kế hoạch giám sát, tham dự họp tổ, dự giờ, thăm lớp, tổ chức các tiết chuyên đề cho giáo viên dự giờ trao đổi rút kinh nghiệm mang tính tích cực.

Theo dõi các hoạt động của giáo viên ở lớp, có biện pháp tư vấn, điều chỉnh phù hợp.

Tăng cường kiểm tra việc bổ sung đồ dùng đồ chơi tự tạo, trang trí lớp học, đảm bảo an toàn tuyệt đối, đảm bảo vệ sinh, đảm bảo tính khoa học, thẩm mỹ và mang tính giáo dục cao để thu hút trẻ đến trường.

Thường xuyên nhắc nhở giáo viên duy trì tốt mối quan hệ mật thiết với phụ huynh, với trẻ được đối xử công bằng tuyệt đối không được xâm phạm nhân cách trẻ.

Phối hợp trong BGH tham mưu đầu tư xây dựng môi trường ngoài trời, để trẻ được hoạt động trong môi trường tự nhiên, chú trọng giáo dục trẻ lòng yêu thiên nhiên, và hình thành thói quen bảo vệ môi trường trong trẻ.

Chuẩn bị và triển khai các kế hoạch tham gia các hội thi do nhà trường và cấp trên tổ chức.

Động viên kịp thời những cá nhân có sáng tạo trong công tác. Đội ngũ giáo viên không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn

Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao nhận thức về phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm, phương pháp montessori, steam...

Xây dựng kế hoạch giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, lựa chọn mục tiêu nội dung phù hợp với độ tuổi, tình hình thực tế lớp học, của trẻ để đưa ra phương pháp dạy phù hợp.

Thường xuyên làm đồ dùng đồ chơi có sự tham gia của trẻ. Thay thế, bổ sung đồ dùng đồ chơi các góc chơi thường xuyên để tạo hứng thú cho trẻ.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học.

Xây dựng một môi trường tâm lý thoải mái, gần gũi với trẻ khi trẻ đến lớp.

- Đối với trẻ

+ Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng

100% trẻ được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin.

100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ từ 1 - 2 lần/năm, hàng quý có cân đo theo dõi biểu đồ phát triển của trẻ.

Phát triển chiều cao:

Tỉ lệ trẻ phát triển chiều cao bình thường: 95 – 97%

Phát triển cân nặng:

Tỷ lệ trẻ phát triển cân nặng bình thường: 96 – 98%

90 – 100% trẻ có thói quen giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh tập thể...

+ Công tác giáo dục

Trẻ độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo ra lớp: đạt 92%. Riêng trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100%

Tỷ lệ chuyên cần: đạt 85 - 95%

Duy trì sĩ số học sinh các độ tuổi đạt 90-95%, trẻ 5 tuổi đạt tỷ lệ 100%.

90 – 100% trẻ ngoan ngoãn, lễ phép, biết thương yêu, giúp đỡ mọi người, 100% trẻ được lồng ghép giáo dục kỹ năng sống thông qua các hoạt động hàng ngày.

Trẻ được đánh giá theo 5 lĩnh vực phát triển theo chương trình giáo dục mầm non: Đạt trên 70%

100% trẻ 5 tuổi được bồi dưỡng các kỹ năng đọc, viết trước khi vào lớp 1.

Có 5 – 10 trẻ/lớp tham gia hội thi “Cô và bé với đồ dùng, đồ chơi tự tạo” cấp trường.

Trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm: Trung thu của bé, Chiến sỹ tí hon, hội xuân, ngày hội thể thao của bé, rung chuông vàng, tham quan trường tiểu học....

Trẻ tham gia học tiếng anh và Earobic do nhà trường phối hợp với các trung tâm

*** Biện pháp**

Thường xuyên quan sát, kiểm tra số lượng trẻ ở các thời điểm trong ngày.

Phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động, hội thi

Phối hợp với Trung tâm Tiếng Anh Supemair xây dựng kế hoạch cho trẻ làm quen với anh văn trong trường Mầm non.

Phối hợp với trung tâm Stakid mở các lớp học nhảy cho các bạn có năng khiếu âm nhạc.

Theo dõi, kiểm tra đánh giá các lĩnh vực qua đánh giá cuối chủ đề

Tăng cường bồi dưỡng, rèn cho trẻ 5 tuổi các kỹ năng đọc, viết trước và tâm thế vững trước khi vào lớp 1.

Tuyên truyền phụ huynh bổ sung đầy đủ tiêm các mũi vacxin cho trẻ kịp thời. Động viên, khuyến khích trẻ ăn uống đầy đủ chất, giữ gìn vệ sinh cá nhân sạch sẽ, đảm bảo an toàn.

Tham mưu với bộ phận phụ trách bán trú đảm bảo dinh dưỡng cho từng độ tuổi trẻ, phù hợp với khẩu phần ăn, sở thích của trẻ, đảm bảo trẻ ăn ngon miệng, hết xuất. Có biện pháp phòng bệnh cho trẻ kịp thời khi giao mùa và có dịch bệnh.

Tăng cường cho trẻ hoạt động trải nghiệm và làm đồ dùng đồ tự tạo phát huy khả năng sáng tạo cho trẻ mọi lúc mọi nơi.

Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi lồng ghép thông qua các hoạt động hàng ngày. Suu tầm các bài thơ, câu đố, câu chuyện, hò, vè, ca dao... đưa vào nội dung hoạt động, đặc biệt coi trọng phương pháp lấy trẻ làm trung tâm, khuyến khích tạo cơ hội để trẻ được thể hiện, được bộc lộ hết khả năng theo yêu cầu đề ra.

3. Đảm bảo chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi; Triển khai thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi:

Phối hợp với nhà triển khai thực hiện Nghị quyết số 218/2025/QH15 và các văn bản của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo về phổ cập giáo dục cho trẻ em mẫu giáo; đưa chỉ tiêu hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Tiếp tục thực hiện và duy trì chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, tăng cường đổi mới hình thức tổ chức, chất lượng hoạt động giáo dục chuẩn bị tốt kiến thức, kỹ năng, tâm thế cho trẻ em 5 tuổi vào lớp Một.

*** Đối với phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi**

Tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ, Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT và Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ GDĐT. Tổ chức rà soát, kiểm tra đánh giá lại về kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (trong điều kiện đã sáp nhập tỉnh, thực hiện chính quyền hai cấp); điều chỉnh, bổ sung và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện năm 2026 để tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập.

Thực hiện công tác phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi trên phần mềm phổ cập, đảm bảo tính chính xác của số liệu, thời gian kiểm tra công nhận ở cấp cơ sở và đề nghị cấp trên kiểm tra công nhận theo quy định.

*** Biện pháp**

Tham mưu và phối hợp với chính quyền địa phương, các TDP cùng phối hợp thực hiện.

Chỉ đạo giáo viên phối hợp với tổ trưởng tổ dân phố, cha mẹ trẻ rà soát cập nhật trẻ mới sinh, chuyển đi, chuyển đến đầy đủ, kịp thời; tuyệt đối không bỏ sót đối tượng trẻ trong độ tuổi trên địa bàn.

Chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp tuyên truyền trực tiếp, qua nhóm zalo của lớp tới các bậc phụ huynh để huy động trẻ trong địa bàn ra lớp đảm bảo kế hoạch giao. Hàng ngày cho trẻ đi học đều, ốm nghỉ phải xin phép giáo viên chủ nhiệm. Các nhóm lớp trang trí, tạo môi trường phong phú, thẩm mỹ thu hút trẻ đến trường, tổ chức tốt các hoạt động tập thể vui tươi lành mạnh thu hút trẻ đến trường, duy trì tỷ lệ chuyên cần.

4. Công tác tuyên truyền kiến thức chăm sóc giáo dục cho cha mẹ trẻ và cộng đồng

Tăng cường công tác phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng, tuyên truyền thu hút trẻ khuyết tật đến trường học hòa nhập... bằng nhiều hình thức phù hợp như: Thông qua các buổi họp phụ huynh, giờ đón và trả trẻ, qua bảng tuyên truyền, băng zôn, khẩu hiệu, pano, áp phích, qua các phương tiện thông tin đại chúng, ... quan tâm đến hình thức và nội dung tuyên truyền tại các nhóm lớp tạo sự đồng thuận ủng hộ chăm lo của cha mẹ học sinh tới GDMN.

Tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh thường xuyên tham gia vào các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ với các hoạt động thiết thực cho trẻ học tập, tham quan, trải nghiệm (đóng góp ngày công, tu sửa, cải tạo, làm đồ dùng đồ chơi trong lớp, ngoài trời trang trí, đồ dùng, các sản phẩm, nguyên vật liệu, ngô, sắn, hoa, quả thật,...)

*** Biện Pháp**

Các lớp xây dựng góc tuyên truyền để phụ huynh nắm bắt được các hoạt động của con em mình.

Thường xuyên truy cập thông tin GDMN, Internet và từ tạp chí, thông tin của ngành, của địa phương để đa dạng hóa hình thức tuyên truyền.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền qua tranh ảnh, vật thật đến cha mẹ trẻ để hiểu và phối kết hợp với nhà trường trong công tác CSGD trẻ được tốt hơn.

Phối hợp trong BGH tham mưu đầu tư và củng cố về CSVC, đổi mới phương pháp CSND trẻ, duy trì mối quan hệ mật thiết giữa gia đình và nhà trường.

5. Thực hiện các chuyên đề trọng tâm trong năm học

Tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”

Thực hiện các chuyên đề trọng tâm do SGD&ĐT tập huấn: Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nghệ thuật sáng tạo cho trẻ em trong cơ sở GDMN. Nâng cao chất lượng chăm sóc toàn diện trẻ mầm non theo hướng kết hợp dinh dưỡng, thực hành thói quen vệ sinh với tăng cường vận động. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số. Tổ chức hoạt động giáo dục cảm xúc xã hội cho trẻ mầm non trong thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

Đẩy mạnh tích hợp/lồng ghép “giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em” bảo đảm điều kiện, môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Chỉ đạo Tổ chuyên môn, GV các nhóm lớp chủ động XD chương trình GD riêng và phát huy thế mạnh của nhà trường, đảm bảo là chương trình mở, được xây dựng theo hướng tiếp cận mục tiêu, thể hiện rõ tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi tạo nên nét riêng biệt (thương hiệu) của nhà trường và có tính khả thi. Áp dụng các hình thức, phương pháp, mô hình GD tiên tiến phù hợp với điều kiện, nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Lựa chọn, bổ sung những nội dung, PPGD Steam lồng ghép phù hợp với quan điểm, mục tiêu của Chương trình GDMN, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ.

Về hoạt động giáo dục steam...khuyến khích giáo viên tiếp tục sáng tạo lồng ghép ở 1-2 HĐ trong kế hoạch tuần ở một số chủ đề cho phù hợp với khả năng của cô và để gây hứng thú cho trẻ. Tham khảo và soạn theo quy trình 5E, IDP...và có thể xác định ít nhất 2 thành tố như S, T, E, A, M....

Tăng cường lồng ghép các chuyên đề giáo dục biển và hải đảo, bảo vệ và phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, quê hương đất nước, giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm, giáo dục an toàn giao thông. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan qua các ngày lễ, hội, lồng ghép các nội dung giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ bình đẳng giới...Giáo dục lồng ghép kỹ năng sống, đa văn hóa vào các hoạt động.

*** Biện pháp:** Tăng cường tổ chức các tiết chuyên đề, lồng ghép trong tất cả các hoạt động giáo dục trẻ.

Tham khảo, nghiên cứu thêm tài liệu hướng dẫn, tích cực dự giờ, chia sẻ, thảo luận, góp ý qua các buổi sinh hoạt chuyên môn.

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong GDMN

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong GDMN, đặc biệt trong công tác quản trị, quản lý, trong tổ chức hoạt động giáo dục. Cập nhật kịp thời đầy đủ số liệu lên phần mềm lưu trữ hồ sơ fbot, soạn giảng trên phần mềm edubot...

Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong nhà trường, các cấp tổ.

Tạo điều kiện cho trẻ được thực hành trên máy qua các chương trình trò chơi thông qua các hoạt động để trẻ được tiếp xúc.

Khuyến khích giáo viên tham gia các khoá tập huấn, bồi dưỡng trên nền tảng số, thiết kế giáo án điện tử, số hoá tài liệu, học liệu và các nội dung giáo dục, hướng dẫn hỗ trợ cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, giáo dục. Phát triển kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung trong trường.

Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT, sử dụng được các phần mềm ứng dụng cơ bản; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

100% các nhóm lớp có bảng tin, nhóm Zalo, chuyên mục “Album hình ảnh đẹp” giới thiệu về nhà trường: Cơ sở vật chất, trang thiết bị; Biểu dương việc làm tốt, tấm gương nhà giáo tiêu biểu, chất lượng nuôi dưỡng giáo dục trẻ; các hoạt động sự kiện, lễ hội, công tác phối hợp với cha mẹ trẻ, truyền thông giáo dục nếp sống văn minh, thanh lịch cho trẻ..., đặc biệt các lớp đẩy mạnh đổi mới hình thức truyền thông giới thiệu quảng cáo về lớp, nhà trường, điều kiện và các hoạt động, chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng GD trẻ...

*** Biện pháp**

Tạo điều kiện cho giáo viên học các lớp bồi dưỡng kỹ năng về tin học; cho trẻ thực hành trên máy thường xuyên.

Hướng dẫn, bồi dưỡng thêm một số giáo viên còn ứng dụng và thao tác chậm.

7. Công tác bồi dưỡng giáo viên

Bồi dưỡng chuyên môn đội ngũ giáo viên là việc làm cần thiết cho chiến lược lâu dài của nhà trường. Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên thường xuyên, liên tục để xây dựng đội ngũ có chất lượng, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Bồi dưỡng chuyên môn giúp giáo viên giải quyết những khó khăn vướng mắc khi thực hiện chương trình GD mầm non và nâng cao kỹ năng thực hành chuyên môn nghiệp vụ.

Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên trong nhà trường còn rèn luyện sự phối hợp tập thể, tinh thần làm việc theo nhóm, tổ của mỗi giáo viên.

Bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên: Có tay nghề khá lên tốt; ĐYC lên khá (tùy vào tình hình thực tế giao hiệu phó chuyên môn có kế hoạch bồi dưỡng trong năm học và kết hợp với từng tổ chuyên môn trong việc bồi dưỡng cho giáo viên)

Chỉ đạo các nhóm lớp, toàn trường học tập và nhân rộng điển hình những sáng tạo trong chuyên môn.

Các tổ có kế hoạch dự giờ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho tổ viên.

Hàng tháng sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng nhằm trao đổi, bồi dưỡng trong chuyên môn. Bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên về cách xây dựng kế hoạch, cách xác định mục tiêu của tiết dạy, dạy học lấy trẻ làm trung tâm theo hướng trải nghiệm.

*** Biện pháp**

Tạo điều kiện cho giáo viên được dự giờ, tham quan các trường bạn để học tập kinh nghiệm lẫn nhau như dự chuyên đề, các tiết hội giảng...liên trường tổ chức.

Đầu tư sách, tài liệu chuyên môn, tạp chí giáo dục mầm non, kết nối mạng internet... hướng dẫn giáo viên tự học, tự nghiên cứu.

Khuyến khích giáo viên nghiên cứu các tài liệu chuyên môn và học các lớp bồi dưỡng công nghệ thông tin, vận dụng vào soạn giảng và thiết kế tổ chức các hoạt động cho trẻ.

8. Công tác chỉ đạo kiểm tra

Bám sát điều lệ trường mầm non để tổ chức thực hiện.

Kiểm tra các loại hồ sơ sổ sách theo quy định

Phối hợp trong BGH để thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra công tác BDTX, kiểm tra giờ ăn, ngủ và các hoạt động khác

Thực hiện tốt quy chế kiểm tra chuyên môn trường học

Kiểm tra trẻ sau chủ đề

Kiểm tra một số nhiệm vụ của giáo viên như chuyên đề...và các hoạt động khác.

*** Biện pháp**

Kiểm tra đột xuất, báo trước, không báo trước. Nghiêm túc thực hiện đúng đủ chế độ kiểm tra. Thực hiện nghiêm túc thông tin 2 chiều, tổ chức họp, sinh hoạt chuyên môn đúng thời gian quy định. Làm tốt công tác chủ nhiệm lớp.

Tăng cường công tác bồi dưỡng giáo viên về chuyên môn, tăng cường làm đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ, trang trí môi trường lớp học sáng tạo và khoa học tạo môi trường kích thích cho trẻ hoạt động, trải nghiệm.

Tăng cường công tác dự giờ thăm lớp. Xây dựng các tiết dạy “sáng tạo” tạo điều kiện cho giáo viên dự giờ học hỏi đồng nghiệp và các trường bạn.

Hàng tháng tổ chức họp đánh giá, nắm bắt kịp thời các thông tin phản hồi của giáo viên để cùng thảo luận bàn bạc thực hiện tối ưu, khắc phục hạn chế, tồn tại.

9. Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên

CBQL, giáo viên thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên trong 120 tiết; Nội dung 1 = 40 tiết; Nội dung 2 = 40 tiết; Nội dung 3 = 40 tiết.

Giáo viên tự xây dựng kế hoạch học của mình

Phấn đấu 100 % CBQL – GV hoàn thành công tác học BDTX theo kế hoạch

*** Biện pháp**

Nghiêm túc học tập bồi dưỡng thường xuyên, luôn cập nhật kiến thức về chính trị, kinh tế - xã hội, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, phát triển

năng lực dạy học, năng lực giáo dục và những năng lực khác theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

Thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng năng lực tổ chức, quản lý hoạt động tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

10. Tổ chức viết sáng kiến kinh nghiệm

Có 5 - 6 sáng kiến tham gia viết SKKN trường

Tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm cấp trên phát động (nếu có)

*** Biện pháp**

Triển khai đầy đủ các văn bản theo quy định về hướng dẫn viết sáng kiến

Tư vấn cho giáo viên nghiên cứu chọn đề tài sát thực với đặc điểm tình hình của trường, lớp.

11. Tổ chức ngày hội, ngày lễ, hoạt động tham qua trải nghiệm

Phối hợp với nhà trường tổ chức lễ hội được đặt ra trong kế hoạch năm học của nhà trường cũng như nhóm lớp ngay từ đầu năm học và được cụ thể hóa trong kế hoạch chủ đề:

Chủ đề trường mầm non gắn với ngày hội bé đến trường và tết trung thu

Chủ đề gia đình gắn với ngày phụ nữ Việt nam 20/10

Chủ đề nghề nghiệp gắn với ngày nhà giáo Việt nam 20/11, ngày thành lập quân đội nhân dân Việt nam 22/12

Chủ đề Tết và mùa xuân gắn với ngày hội ẩm thực

Chủ đề thực vật gắn với ngày hội 8/3

Chủ đề quê hương gắn với ngày sinh nhật Bác 19/5, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6

Tổ chức cho trẻ tham quan, trải nghiệm như tham quan Doanh trại bộ đội, trường tiểu học, tượng đài NtrangLong.....

Tùy vào tình hình thực tế mà có thể chọn nội dung của ngày hội, ngày lễ nhà trường phát động và xây dựng kế hoạch hòa quyện phần lễ và hội để trẻ được tham gia, lấy trẻ làm trung tâm của ngày hội.

*** Biện pháp:** Triển khai kịp thời đến toàn thể giáo viên tập luyện văn nghệ, TDTT, các trò chơi cho cô và trẻ, tích cực tham gia và chuẩn bị đồ dùng cho trẻ tham quan trải nghiệm qua các ngày hội, ngày lễ cùng như các phong trào do nhà trường, cấp trên tổ chức.

12. Đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp

Thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT

Giáo viên đạt mức Tốt 9/18 – Tỷ lệ 50%

Giáo viên đạt mức Khá 9/18 – Tỷ lệ 50%

*** Biện pháp**

Bồi dưỡng về công tác đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ đầu năm, định hướng cho đội ngũ tự xác định việc phấn đấu theo chuẩn.

Tích cực tự học, tự rèn, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, trau dồi phẩm chất đạo đức nhà giáo...

13 . Danh hiệu thi đua cuối năm

Tổ khối xuất sắc: 2 tổ.

Lớp xuất sắc: 3 lớp

Tỉ lệ cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” 80% trở lên

Số cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua: 8 đồng chí trở lên.

IV. Dự kiến mục tiêu – Nội dung giáo dục thực hiện chương trình GDMN các độ tuổi

*** Mục tiêu**

Giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống phù hợp cần thiết với lứa tuổi, khơi dậy những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp tiếp theo.

*** Yêu cầu**

Nội dung bảo đảm tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó, bảo đảm tính liên thông giữa các độ tuổi, thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với kinh nghiệm của trẻ.

Nội dung phù hợp với sự phát triển tâm sinh lí của trẻ, hài hòa giữa chăm sóc và giáo dục, phát triển cơ thể cân đối, giúp trẻ biết kính trọng, yêu mến ông bà, cha mẹ, thầy cô, anh chị em, bạn bè, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích, ham hiểu biết cái đẹp, thích đi học.

Phương pháp giáo dục thể hiện sự yêu thương, gần gũi, gần gũi. Tạo điều kiện cho trẻ trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu hứng thú với phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

Chú trọng đổi mới cách tổ chức nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, thử nghiệm và sáng tạo.

Tổ chức hợp lí các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm và cả lớp, phù hợp với độ tuổi, thực tế của lớp, với nhu cầu và hứng thú của trẻ.

1. Nhà trẻ

Chương trình GD nhà trẻ nhằm giúp trẻ phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mỹ.

1.1. Phát triển thể chất

Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.

Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.

Có một số tố chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, khéo léo, thăng bằng cơ thể).

Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.

Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

1.2. Phát triển nhận thức

Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.

Có sự nhạy cảm của các giác quan.

Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

1.3. Phát triển ngôn ngữ

Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

Hồn nhiên trong giao tiếp.

1.4. Phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mỹ

Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện..

2. Mẫu Giáo

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

2.1. Phát triển thể chất

Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2.2. Phát triển nhận thức

Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

2.3. Phát triển ngôn ngữ

Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

2.4. Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội

Có ý thức về bản thân.

Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

2.5. Phát triển thẩm mỹ

Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

*** Dự kiến mục tiêu - Nội dung giáo dục trẻ của trẻ từng độ tuổi**

MỤC TIÊU – NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM KHỞI NHÀ TRẺ

TTMT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
a. Phát triển vận động		
1	MT 1: Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/ bụng và chân	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, sang 2 ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. + Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vịn người

		sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân
2	MT 2: Giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	-Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh. + Đi trong đường hẹp. + Đi bước qua vật cản. + Tập bước lên, xuống bậc cầu thang. + Đi có mang vật trên tay. + Đi theo hướng thẳng. + Đi theo đường đích đặt. + Chạy theo hướng thẳng. + Chạy chậm. + Chạy nhanh. + Chạy theo hiệu lệnh của cô. + Đứng co 1 chân.
3	MT 3: Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m, ném bóng vào đích.	- Tập tung, ném, bắt, lăn, chuyền: + Tung, bắt bóng cùng cô. + Ném bóng cùng cô. + Ném bóng lên cao. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích + Ném bóng vào rổ + Ném vào đích xa 1- 1,2m. + Lăn bóng về phía trước + Chuyền bóng cho bạn -Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ. + Bật xa 30 cm. + Bật về phía trước.
4	MT 4: Phối hợp ,tay, chân cơ thể khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò theo đường zích zắc + Trườn thẳng hướng. + Bò chui qua cổng + Bò qua vật cản. + Trườn qua vật cản.
	MT 5: Thể hiện sức mạnh của	- Nhón đặt đồ vật

5	cơ bắp trong vận động lăn, ném, đá bóng.	+ Ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m). + Ném xa lên phía trước bằng 2 tay. + Lăn bóng. + Đá bóng về phía trước.
6	MT 6: Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay – thực hiện “múa khéo”	- Tập khâu, luồn dây, cài cởi cúc, buộc dây - Xoay tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.
7	MT 7: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn: vẽ tổ chim, xoay xòong tay, chuỗi đeo cổ.	- Chắp ghép hình,... - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. Đóng cọc bàn gỗ.... - Nhón nhặt đồ vật. - Một số trò chơi vận động.
b.Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
8	MT 8: Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. -Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định.
9	MT 9: Ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa
10	MT 10: Đi vệ sinh đúng nơi qui định.	-Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
11	MT 11: Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước đi vệ sinh...)	- Cát đồ dùng đồ chơi - Lấy và xếp ghế đúng nơi qui định - Lấy và cất dép đúng nơi qui định. - Cất bát, thìa đúng nơi qui định - Vứt rác đúng nơi quy định. - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước.

		+ Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
12	MT 12: Chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	+ Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.
13	MT 13: Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, Phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần
14	MT 14: Biết và tránh hành động nguy hiểm(leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn..) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh - Tránh các vật sắc nhọn: Dao, kéo. - Một số nơi có thể gây nguy hiểm, ao, hồ, sông, suối, bụi rậm..... - Một số vật dụng có thể gây nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, bàn là, ổ cắm điện, xô nước, giếng...), những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Lựa chọn những hành vi đúng sai trong nội dung (bé không để mình nguy hiểm) không trèo cao. Leo trèo, không tự ý ra khỏi lớp, trường, nhà....
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
15	MT 15: Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm để nhận biết điểm nổi bật của đối tượng	- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
16	MT 16: Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Chơi thao tác vai. - Tìm đồ vật mới cất giấu - Làm quen một số đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày

		- Luyện tập một số thao tác đơn giản tự phục vụ bản thân - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.
17	MT 17: Nói được tên của bản thân và những người thân gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp
18	MT 18: Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
19	MT 19: Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, ptgt, hoa, quả, con vật,...quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả, cây xanh... quen thuộc. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Nêm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn- chua) - Bé nói và nhận biết đặc điểm nổi bật của mùa hè, nước và các hiện tượng tự nhiên... - Bé nói và nhận biết được các đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, lớp mẫu giáo.... - Bé nhận biết và kể được một số đặc điểm nổi bật của ngôi nhà và đồ dùng trong gia đình...
20	MT 20: Nhận biết màu sắc, hình học phù hợp khả năng.	- Màu đỏ, vàng, xanh.... - Hình tròn, hình vuông...
21	MT 21: Nhận biết số lượng, kích thước to/nhỏ, vị trí không gian phù hợp khả năng	- Kích thước (to - nhỏ) - Vị trí trong không gian (trên-dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng (một- nhiều)
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
	MT 22: Thực hiện được	- Nghe các câu hỏi “cái gì?” “làm gì?”

22	nhiệm vụ gồm 2 -3 hành động ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”	“để làm gì?” “ở đâu?” “như thế nào?” - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
23	MT 23: Trả lời các câu hỏi “Ai đây”; “Cái gì đây”; “...Làm gì”; “ ...Thế nào?(Ví dụ: “con gà gáy như thế nào?...)	- Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?” “Làm gì?” “Ở đâu?” “...thế nào?” “Để làm gì?” “Tại sao?” ...
24	MT 24: Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật..	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh - Lắng nghe người lớn đọc sách
25	MT 26: Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.
26	MT 26: Nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý - Dạy và luyện cho trẻ nói trọn câu đơn: VD. Cháu ăn cơm rồi ạ, cháu thích chơi búp bê cô ạ..... - Sử dụng các từ chỉ đặc điểm của đồ vật, con vật, hoa quả, đẹp, to, nhỏ....
27	MT 27 : Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau. - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây” “ cái gì đây?”...	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.
28	MT 28: Phát âm rõ tiếng, nói to, đủ nghe, lễ phép Phát âm rõ tiếng.	- Phát âm rõ tiếng - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Nhận biết tập nói các đồ vật, con vật, rau quả, người thân, phương tiện giao thông.... - Nói to, rõ ràng, không hét. - Các trò chơi luyện kỹ năng phát âm

		- Khi giao tiếp với người lớn luôn có từ: ạ, vâng ạ. Dạ,...cuối câu.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI - THẨM MĨ		
29	MT 29: Nói được vài thông tin về mình (tên, tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Trò chuyện về cơ thể bé: Trẻ biết mình là bé trai hay bé gái, biết các bộ phận quen thuộc trên cơ thể, biết yêu quý bản thân.....
30	MT 30: Thể hiện điều mình thích và không thích.	- Trò chuyện và gợi mở để trẻ nói về những gì bé thích và không thích. - Tổ chức trò chơi, gọi điện thoại mua đồ chơi, mua hoa quả,.....
31	MT 31: Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với người xung quanh - Tích cực cho trẻ giao tiếp với Bố mẹ, Cô giáo, các bạn trong và ngoài lớp.... - Giao tiếp với những người xung quanh trẻ. Trẻ nhìn, hóng và thích trò chuyện cùng mọi người.
32	MT 32: Nhận biết được trạng thái cảm xúc ,vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận
33	MT 33: Biểu lộ cảm xúc: vui buồn sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Biểu lộ một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ
34	MT 34: Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu , gọi	- Quan tâm đến các vật nuôi - Trò chuyện về các con vật quen thuộc. - Xem tranh, hình ảnh về các con vật. - Bắt chước tiếng kêu của các con vật. - Tập chăm sóc các con vật nuôi: Cho ăn, vuốt ve, chăm sóc....
35	MT 35: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp : chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn, không cầu bạn.

36	MT 36: Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ.(trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Tổ chức các trò chơi: Bế em, khuấy bột, nghe điện thoại vào giờ hoạt động thao tác vai và chơi tự chọn vào buổi chiều.
37	MT 37: Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định,.....
38	MT 38: Chơi thân thiện bên cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn
39	MT 39: Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Vận động đơn giản theo nhạc một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc. - Kết hợp các động tác để cùng cô và các bạn tổ chức các hoạt động khác : Nêu gương, tổ chức các ngày hội ngày lễ, biểu diễn cuối chủ đề...
40	MT 40: Thích tô màu , vẽ , nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau tạo thành hình ảnh đơn giản, cái bánh hình tròn, mưa...,di màu bức tranh, nặn, xé, vò, xếp hình - Xem tranh

MỤC TIÊU – NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM KHÔI MÀM

TTMT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1	MT 1: Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải.

		+ Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
2	MT 2: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	+ Đi kiễng gót liên tục 3m + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) + Đi trong hẹp đầu đội túi cát + Đi thăng bằng trên ghế thể dục + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi trong đường đích dắc + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát
3	MT 3: Kiểm soát được vận động.	+ Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài. + Đi/chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. + Chạy chậm 30- 40m
4	MT 4: Phối hợp tay, mắt trong vận động.	+ Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m) + Tự đập – bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm) + Tung bóng lên cao và bắt bóng. + Bật tại chỗ. + Bật liên tục về phía trước + Bật xa 20 – 25 cm + Bật qua vật cản + Bật tách khớp chân + Bật qua 3 vòng liên tiếp
5	MT 5: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	+ Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. + Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay.

		+ Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. + Bò chui qua cổng. + Bò theo đường dích dắc. + Trườn về phía trước. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo lên xuống ghề + Trèo lên xuống 3 giống thang + Bước lên, xuống bậc cao (30 cm) + Chuyên bắt bóng 2 bên theo theo hàng ngang, hàng dọc. + Chuyên bóng bằng qua đầu qua chân
6	MT 6: Thực hiện được các vận động.	+ Xoay tròn cổ tay, quay ngón tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau.
7	MT 7: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	+ Vẽ được hình tròn theo khả năng và yêu cầu. + Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. + Xếp chồng 8 – 10 khối không đổ. + Tự cài, cởi cúc.
8	MT 8: Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh.	+ Trẻ nhìn hình ảnh nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc như: Thịt, cá, trứng, sữa, rau... + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất.
9	MT 9: Biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, rau, cá kho, canh rau	- Nhận biết được một số món ăn: Trứng rán, luộc, chiên. Thịt kho, hầm, luộc. Rau luộc, nấu canh...qua các bữa ăn hằng ngày.
10	MT 10: Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	+ Biết ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng trong các bữa ăn để cơ thể khỏe mạnh. + Biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật. + Học cách thích nghi với các món ăn. + Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn. + Một số thực phẩm thông thường sẵn có ở địa phương.

11	TM 11: Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Rửa tay, lau mặt, súc miệng... + Tháo tất, cởi quần, áo... + Biết rửa tay với xà phòng. + Biết cất đồ chơi, đồ dùng cá nhân.
	MT 12: Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	+ Hướng dẫn trẻ cách sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách, phù hợp. + Một số đồ dùng gia đình, bát, thìa... + Tổ chức giờ ăn: Hỏi trẻ về cách cầm bát, cầm thìa...
13	MT 13: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	+ Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn hết khẩu phần ăn. + Uống nước đun sôi. + Biết cầm bát, thìa bê xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
14	MT 14: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	+ Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. + Nhận biết trang phục theo thời tiết. + Lợi ích của việc giữ gìn thân thể, vệ sinh môi trường với sức khỏe con người.
15	MT 15: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	+ Không sờ tay vào ổ điện, bàn là, phích nước nóng, bếp đang đun. + Không tự chơi với những đồ vật sắc nhọn, điện, vật nóng.
16	MT 16: Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	+ Biết những nơi như: Hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm đến tính mạng, không được chơi gần.
17	MT 17: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống..

		+ Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
18	MT 18: Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	+ Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Quan sát, trò chuyện, đặt câu hỏi, hỏi ai? Cái gì? Làm gì/như thế nào?...về các sự vật hiện tượng. + Xem tranh, ảnh, băng hình về sự vật hiện tượng xung quanh trẻ.
19	MT 19: Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	+ Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể như để: Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để biết về đặc điểm của con người, con vật, đồ vật 1 số loại quả, hoa, phương tiện, hiện tượng... + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi, nước... + Sờ, nắn, đồ vật, đồ chơi, để biết cứng, mềm, nhẵn, sần sùi...
20	MT 20: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan tâm, tìm hiểu đối tượng.	+ Làm thí nghiệm nước chảy từ trên cao. + Thí nghiệm nam châm hút gì?.... + Trải nghiệm: Cảm nhận thời tiết; Trải nghiệm với ánh sáng; Trải nghiệm hoạt độ nệm vật tan, không tan trong nước. + Thí nghiệm vật nổi vật chìm. + Trải nghiệm: Cảm nhận thời tiết; Trải nghiệm với ánh sáng; Trải nghiệm hoạt động trong bóng tối để thấy sự cần thiết của ánh sáng; Trải nghiệm với các chất liệu sỏi, đá, đất, cát, đất sét đỏ để nhận xét về cảm giác khi tiếp xúc.
21	MT 21: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Khám phá tìm hiểu: Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.

22	MT 22: Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	+ Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. + Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.
23	MT 23: Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	+ Trẻ gọi được tên của đối tượng quan sát. + Trẻ nói được vài mối quan hệ đơn giản của đối tượng khi được hỏi. Ví dụ: Cây cần gì để sống? Vì sao lá cây rụng đi.... + Cho trẻ thực hành các mối liên hệ đó qua các trò chơi, hoạt động trải nghiệm (Tưới cây, trò chơi: Gió thổi cây nghiêng...) Thí nghiệm: Trồng cây trên cát, đất, sỏi, đá; cây nào sống được trong nước? Hạt ngô nảy mầm, bức mặt thư, bắp cải tím đổi màu. + Ảo thuật với nước nho, hoa không có nước, sự đổi màu của hoa, hoa nở trong nước. + Tạo sóng trong chai, hạt ngô nảy mầm, bong bóng rắn, thí nghiệm với kẹo ngô. + Thực hành: Làm thức ăn cho các con vật; Chăm sóc một số con vật; Chăm sóc cây và rau trong trường và lớp.
24	MT 24: Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	+ Tên, đặc điểm, công dụng của một số PTGT quen thuộc. + Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.
25	MT 25: Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	+ Thể hiện những gì trẻ biết thông qua các hoạt động: chơi, âm nhạc, tạo hình... VTV7 kids; Xứ sở cầu vồng.
26	MT 26: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	+ Lấy và đếm đồ dùng, đồ chơi theo yêu cầu. + Trẻ yêu thích với việc đếm, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. + Trò chơi: Năm con cua đá, năm chú vịt. + Chơi đếm trên các ngón tay.
27	MT 27: Đếm trên các đối tượng giống nhau	+ Đếm 1 và nhiều.

	và đếm đến 5. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn...	+ Đếm đến 2 + Đếm đến 3 + Đếm đến 4 + Đếm đến 5 + Đếm theo khả năng. + So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5.
28	MT 28: Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	+ Gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và đếm. + Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. + Tạo nhóm đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau.
29	MT 29: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	+ Sắp xếp theo qui tắc xen kẽ đơn giản. + Xếp tương ứng 1-1. + Ghép đôi. + Biết xếp theo mẫu và sao chép lại.
30	MT 30: So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	+ So sánh sự khác biệt về chiều cao của 2 đối tượng. + So sánh sự khác biệt về độ lớn của 2 đối tượng + So sánh sự khác biệt về chiều dài của 2 đối tượng. + So sánh sự khác biệt về chiều rộng của 2 đối tượng.
31	MT 31: Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	+ Nhận dạng và gọi tên các hình: Hình vuông, hình tròn trong thực tế. + Nhận dạng và gọi tên hình tam giác - hình chữ nhật, nhận dạng các hình trong thực tế. + Sử dụng các hình để lắp ghép các đồ dùng đồ chơi, các sản phẩm tạo hình. + Trò chơi: Bạn là hình gì.
32	MT 32: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản	+ Xác định tay phải, tay trái của bản thân; + Nhận biết phía trên, phía dưới của bản thân.

	thân.	+ Nhận biết phía trước, phía sau của bản thân.
33	MT 33: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	+ Khám phá về bản thân trẻ: + Trẻ giới thiệu về mình: Tên, tuổi, giới tính của bản thân trẻ.
34	MT 34: Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	+ Người thân của bé: Tên của bố, mẹ, anh, chị, em trong nhà.
35	MT 35: Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	+ Khám phá nhà của bé. + Gia đình thân yêu của bé. + Địa chỉ gia đình.
36	MT 36: Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Nói được tên, địa chỉ của trường, lớp. + Biết tên cô và công việc của cô giáo. + Biết được tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
37	MT 37: Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.	+ Tên gọi, sản phẩm, dụng cụ lao động và ích lợi của một số nghề phổ biến. + Bác nông dân. + Bác thợ xây. + Lớn lên bé sẽ làm gì?
38	MT 38: Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, xem ảnh.	+ Kể tên 1 số ngày lễ hội: Khai giảng, Tết Trung thu, ngày 20/11; Tết Nguyên Đán; 1/6; 8/3; 22/12; ngày sinh nhật Bác 19/5... lễ hội của địa phương.
39	MT 39: Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	+ Tìm hiểu và kể tên về cảnh đẹp ở Gia Nghĩa + Xem video, hình ảnh trò chuyện về quê hương của bé (Phong cảnh, di tích lịch sử, nét văn hóa của địa phương...Thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ; Thăm Chùa Pháp Hoa...) + Làm album sách tranh về quê hương của bé. + Hát, múa, nghe những bài hát, bản nhạc về quê hương.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		

40	MT 40: Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	+ Hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng, gần gũi, quen thuộc. + Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
41	MT 41: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	+ Giải thích nghĩa các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng.... gần gũi, quen thuộc, trong các hoạt động giáo dục như làm quen với MTXQ, đọc thơ, đồng dao, ca dao, kể chuyện. + Chơi trò chơi nhìn hình đoán từ.
42	MT 42: Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	+ Trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? trong giao tiếp, trong mọi hoạt động.
43	MT 43: Nói rõ các tiếng	+ Nói rõ ràng các tiếng của Tiếng Việt. + Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ, chú trọng luyện cách nói tròn tiếng, trợn từ, trợn câu cho trẻ.
44	MT 44: Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	+ Sử dụng các từ (tên gọi, đặc điểm, màu sắc, công dụng, hoạt động, lợi ích...) để chỉ sự vật hiện tượng xung quanh trẻ.
45	MT 45: Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	+ Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. + Luyện nói trợn câu đơn, câu ghép trong các hoạt động giáo dục và trong giao tiếp. + Đặt câu hỏi cho trẻ trả lời: Ai? Làm gì? Đi đâu? Như thế nào?
46	MT 46: Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	+ Trò chuyện cùng trẻ về những việc trẻ đã làm, những hành động trẻ đã thực hiện trong thời gian gần nhất như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
47	MT 47: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. + Hiểu nội dung của bài thơ ca, hò, vè...
48	MT 48: Kể lại truyện đơn giản đã được nghe	+ Trẻ kể lại câu chuyện đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.

	với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Kể lại các sự việc, tình tiết diễn ra trong các câu chuyện. + Mô tả sự vật trong tranh, ảnh có sự giúp đỡ. + Xem chương trình VTV 7: Xứ sở cầu vồng, chuyện cổ tích.
49	MT 49: Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	+ Đóng kịch. + Đóng vai theo lời dẫn của giáo viên + Bắt chước theo giọng điệu của các nhân vật trong truyện.
50	MT 50: Sử dụng các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp.	+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp với mọi người. + Trẻ biết dùng từ xưng hô, chào hỏi, thưa gửi, lễ phép. + Thực hiện giao tiếp lễ phép hàng ngày với cô, với người thân, bạn bè.
51	MT 51: Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	+ Hướng dẫn trẻ nói tròn tiếng, rõ từ, không hét, không nói ngọng, không nói lí nhí. + Tổ chức các hoạt động giáo dục chú trọng phát triển ngôn ngữ cho trẻ: Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình, của bạn, giới thiệu bản thân, tổ chức làm quen với tác phẩm văn học...
52	MT 52: Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	+ Biết chọn sách để xem theo ý của mình. + Xem và nghe các loại sách khác nhau. + Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và đọc truyện. + Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. + Thích nghe người khác đọc sách cho nghe. Giữ gìn sách.
53	MT 53: Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	+ Xem tranh và thảo luận cùng cô. + Nghe kể chuyện về chủ đề và trả lời câu hỏi về tên các nhân vật. + Xem sách tranh và trò chuyện với bạn, với cô và các nhân vật, sự vật trong tranh.
54	MT 54: Thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	+ Vẽ tranh đơn giản về các chủ đề. + Cho trẻ làm thiệp mừng.

		+ Trẻ thích cầm bút và vẽ nguệch ngoạc theo ý thích. + Trẻ vẽ, viết theo khả năng và sự hướng dẫn, gợi ý của cô.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
55	MT 55: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân	+ Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. + Bé thích được hỏi và trò chuyện về bản thân.
56	MT 56: Nói được điều bé thích, không thích.	+ Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và không làm được khi được hỏi.
57	MT 57: Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	+ Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. Chơi hòa thuận với bạn. + Mạnh dạn trả lời các câu hỏi trong học tập và sinh hoạt. + Trao đổi, trò chuyện với trẻ về thể giới xung quanh, trẻ sẵn sàng trả lời các câu hỏi khi được hỏi. + Rèn cho trẻ tính tự lập, tinh thần đồng đội mạnh dạn khi đi tham quan, dã ngoại, hoạt động ngoại khóa.
58	MT 58: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi)	+ Trẻ cố gắng và thực hiện công việc được giao đơn giản như cho trẻ, xếp đồ chơi, chia giấy vẽ, hộp màu, xếp dép, xếp ghế, cất đồ dùng đồ chơi khi hoạt động xong, giúp cô chuẩn bị giờ học, giờ ăn, giờ ngủ.....
59	MT 59: Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	+ Nhận ra một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ, hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. + Thực hành cách biểu lộ trạng thái cảm xúc trên nét mặt, cử chỉ.
60	MT 60: Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	+ Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vẽ, nặn, xếp hình.
61	MT 61: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	+ Nhận ra hình ảnh của Bác khi xem tranh, ảnh, video... + Trẻ nhận ra Bác Hồ là người như thế nào, kính

		yêu và tôn trọng Bác Hồ
62	MT 62: Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	+ Thích nghe và thể hiện cảm xúc, sự kính yêu Bác Hồ qua bài hát, bài thơ, câu chuyện
63	MT 63: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	+ Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). + Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. + Một số quy định ở lớp như để đồ dùng, đồ chơi đúng quy định. + Vâng lời cô giáo và bố mẹ
64	MT 64: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	+ Trò chuyện về cử chỉ, lời nói lễ phép. + Trẻ nói lời cảm ơn, xin lỗi phù hợp khi được nhắc nhở. + Nhận ra hành vi đúng/ sai; Tốt/ xấu trong giao tiếp.
65	MT 65: Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	+ Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. + Trẻ chú ý nghe cô, bạn nói trong các hoạt động, không nói ngang, không nói leo. + Kể chuyện, đọc thơ cho trẻ nghe về kỹ năng giao tiếp.
66	MT 66: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	+ Tổ chức các trò chơi, hoạt động theo nhóm trẻ. + Trẻ chơi hoà thuận, đoàn kết với bạn. + Kể chuyện, đọc thơ về tình cảm bạn bè cho trẻ hiểu.
67	MT 67: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	+ Quan sát, trò chuyện vườn rau, vườn hoa, cây xanh, các con vật gần gũi.... + Tổ chức hoạt động chăm sóc cây cối, con vật.
68	MT 68: Bỏ rác đúng nơi quy định	+ Giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		

69	MT 69: Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	+ Nghe và hưởng ứng với các âm thanh, bản nhạc, bài hát phù hợp độ tuổi. + Ngắm nhìn, quan sát vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. + Nhận xét các sản phẩm tạo hình. + Thích thú trước các sản phẩm tạo hình đẹp, nổi bật....
70	MT 70: Chú ý nghe, thích được hát theo vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	+ Nghe hát, nghe nhạc và thích thú với các bài hát, bản nhạc về chủ đề. + Nghe hát và nghe giai điệu dân ca ví dặm. + Đọc thơ, ca dao, đồng dao về chủ đề. + Kể chuyện về chủ đề. + Cho trẻ nghe 1 số làn điệu dân ca, bài hát, chuyện, thơ.....
71	MT 71: Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	+ Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
72	MT 72: Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.... + Trẻ hát theo giai điệu và lời ca, hát tự nhiên theo các bài hát dành cho độ tuổi. + Trẻ tham gia hoạt động tại góc nghệ thuật với trò chơi âm nhạc.
73	MT 73: Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp Vận động minh họa).	+ Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. Vỗ tay theo nhịp, phách, vận động minh họa.
74	MT 74: Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	+ Làm tranh, sản phẩm tạo hình sáng tạo, theo ý thích, theo chủ đề, tranh tập thể, bằng các nguyên vật liệu.

75	MT 75: Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	+ Sử dụng kỹ năng vẽ khéo léo để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. + Có kỹ năng phối màu, tô khéo léo, không chòem ra ngoài, tạo lên những bức tranh đẹp. + Luyện kỹ năng vẽ nét thẳng, xiên, ngang.
76	MT 76: Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	+ Sử dụng các kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét, bố cục đơn giản. + Luyện kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán bức tranh phù hợp.
77	MT 77: Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	+ Sử dụng một số kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản. (Nặn 1 số đồ vật, con vật, rau, củ, quả, dụng cụ....)
78	MT 78: Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	+ Chơi xếp hình, lắp ghép, nhà, trường, tường bao, bàn, ghế...
79	MT 79: Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	+ Trẻ nhận xét sản phẩm tạo hình của bạn và của mình trong các hoạt động khác nhau...
80	MT 80: Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	+ Vẽ, nặn, cắt, xé, dán các sản phẩm tạo hình theo ý thích, theo tưởng tượng, sáng tạo theo khả năng của trẻ.
81	MT 81: Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	+ Sáng tạo theo ý thích các vận động theo bài hát, bản nhạc.
82	MT 82: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	+ Trẻ tự đặt tên cho các sản phẩm tạo hình của mình, của bạn theo ý thích.

MỤC TIÊU – NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM KHỐI CHƠI

TTMT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1	MT 1: Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động	- Hô hấp: Hít vào, thở ra... - Tay:

	tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
2	MT 2: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	- Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.
3	MT 3: Kiểm soát được vận động.	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu, đích đặc (đổi hướng) theo vật chuẩn) - Chạy 15 m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60 - 80 m.
4	MT 4: Phối hợp tay - mắt trong vận động.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng - Ném xa bằng 1 tay (2 tay) - Ném trúng đích nằm ngang (đích xa 1,2 x 1,4 m) - Ném trúng đích thẳng đứng (đích xa 1m, cao 1m) - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Chuyền, bắt bóng qua đầu. - Chuyền, bắt bóng qua chân.

		- Chuyển bóng bên phải, bên trái - Tự đập bóng được 4-5 lần liên tiếp. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật liên tục về phía trước. - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 35 - 40cm. - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3m
5	MT 5: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4 m. - Bò thấp trong đường dích dắc qua 4-5 điểm. - Bò cao trong đường dích dắc. - Bò chui qua cổng (ống dài 1,2 m x 0,6 m) - Trườn sấp theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5 m x 30 cm) - Trèo lên, xuống 5 giống thang.
6	MT 6: Thực hiện được các vận động.	- Cuộn, xoay tròn cổ tay. - Gập, mở các ngón tay.
7	MT 7: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động.	- Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 – 12 khối - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.
8	MT 8: Biết một số thực phẩm cùng nhóm.	- Thịt, cá...có nhiều chất đạm. - Rau, củ, quả chín có nhiều vitam. - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm TP (Trên tháp dinh dưỡng). - Chơi trò chơi phân nhóm thực phẩm. - Thịt, cá...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều Vitamin

9	MT 9: Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Biết 1 số món ăn. Nhận biết các cách chế biến món ăn đơn giản của một số thực phẩm, món ăn (cơm, canh rau ngót, canh chua nấu thịt bò...; rau bắp cải xào, củ, quả (Xu hào, cà rốt) xào...; Tôm rim thịt, cá thu rim mặn ngọt, thịt bò hầm, trứng gà chiên thịt) - Làm quen với các chế độ ăn cơm với nhiều loại thức ăn khác nhau, chế độ ăn uống trong trường MN. - Giới thiệu các món ăn cho trẻ trước giờ ăn.
10	MT 10: Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết phân biệt, sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật không đảm bảo vệ sinh ảnh hưởng đến sức khỏe (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Xem hình ảnh, trò chuyện về 1 số bệnh lí. - Tìm hiểu về ích lợi của các món ăn và vì sao phải ăn uống đủ chất, đủ lượng.
11	MT 11: Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở.	- Nhận biết đồ dùng vệ sinh cá nhân. - Tập làm 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt: + Tập đánh răng, lau mặt. + Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định... + Học cách cởi và mặc quần áo. + Thay, cởi tất, quần áo khi bẩn ướt. + Thực hành vệ sinh cá nhân. + Ngủ đúng giờ, biết lấy cất đồ dùng cá nhân
12	MT 12: Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tổ chức bữa ăn và nhắc trẻ cầm bát thìa tự xúc cơm ăn. - Biết chọn và sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách, phù hợp. - Nhắc nhở trẻ giữ gìn vệ sinh trong khi ăn

13	MT 13: Có một số hành vi tốt trong ăn uống.	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã. - Biết sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách và hợp lý. - Ăn hết khẩu phần ăn của mình. Không làm rơi vãi, ném đồ ăn...
14	MT 14: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Ngủ đúng giờ, biết lấy cất đồ dùng cá nhân, biết đắp chăn khi lạnh. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, nhận ra kí hiệu của nhà vệ sinh như: Phòng vệ sinh dành cho bạn Nam và bạn nữ. - Bỏ rác đúng nơi quy định.
15	MT 15: Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch.	- Không sờ tay hoặc lại gần ổ điện, bàn là, phích nước nóng, bếp đang đun...vì rất nguy hiểm đến tính mạng. - Biết và không chơi với những đồ vật sắc nhọn, điện, vật nóng...
16	MT 16: Nhận ra những nơi như: Hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Biết những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm đến tính mạng, không được chơi gần.
17	MT 17: Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ...không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không

		được phép của cô giáo.
18	MT 18: Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.... - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. - Biết các SĐT khẩn cấp (113, 114, 115) - Biết cách gọi người lớn (người an toàn: Bác bảo vệ, bác vệ sĩ, cô nhân viên, chú công an...) giúp đỡ khi bị lạc.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
19	MT 19: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”, “Vì sao lá cây bị ướm?”	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Các mùa trong năm. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Một số hiện tượng tự nhiên. - Quan sát tranh, ảnh, băng hình và cùng tìm hiểu về các đối tượng. - Quan tâm và trả lời được một số câu hỏi khi có sự gợi ý của cô.
20	MT 20: Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể: Như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi, nước.....
21	MT 21: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Sử dụng một số dụng cụ đơn giản như chai nhựa, cốc, xô, màu, muối, đá, thực hành làm thí nghiệm.

		- Thử nghiệm gieo hạt. - Sự kỳ diệu của màu sắc. - Thí nghiệm “Vật nổi, vật chìm” - Thí nghiệm thổi bong bóng. - Thí nghiệm với không khí, gió, nắng. - Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.
22	MT 22: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Xem sách, tranh ảnh, hình ảnh, vật thật và tìm hiểu tên gọi, đặc điểm, công dụng, lợi ích, cách sử dụng, đặc điểm, hoạt động, môi trường sống...của con vật, đồ vật, đồ chơi, rau, hoa, quả, con người. + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
23	MT 23: Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo một hoặc hai dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo một hoặc hai dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo một hoặc hai dấu hiệu.
24	MT 24: Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Nhận xét các mối quan hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc và trả lời khi người khác hỏi. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống.
25	MT 25: Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Tự giải quyết các vấn đề đơn giản nảy sinh trong khi chơi, trong khi hoạt động bằng các cách thức khác nhau. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
26	MT 26: Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 đến 3 đối tượng - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.

	các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.
27	MT 27: Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Vẽ, tô màu, xé dán, nặn, cắt dán... tạo thành sản phẩm tạo hình. - Hát các bài hát theo chủ đề. - Vận động các bài hát theo chủ đề. - Chơi các trò chơi trong các hoạt động học, chơi hoạt động góc, chơi ngoài trời...
28	MT 28: Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”, “Là số mấy?”	- Đặt câu hỏi cái gì? Mấy? Là mấy? có bao nhiêu? Số mấy?... - Thích đếm và hay đếm trên mọi đối tượng.
29	MT 29: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng: nói được từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
30	MT 30: Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói được kết quả. - Gộp nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ và nói được bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm trong phạm vi 5, đếm và nói được kết quả.
31	MT 31: Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng số thứ tự.
32	MT 32: Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận ra và biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày: số xe, số nhà, số cấp cứu..
33	MT 33: Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp : - So sánh chiều cao, chiều dài, chiều rộng, độ lớn của 2-3 đối tượng. - So sánh sự khác biệt về chiều cao, chiều

		dài, chiều rộng, độ lớn của 3 đối tượng. - Sắp xếp theo quy tắc tương ứng 1-1.
34	MT 34: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài 2 đối tượng bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích 2 đối tượng bằng một đơn vị đo.
35	MT 35: Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...	- Gọi tên các hình. So sánh điểm giống, khác giữa giữa 2 hình, (hình tròn, tam giác, hình vuông và hình chữ nhật) - Phân biệt các cạnh, góc qua các hình.
36	MT 36: Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo các hình từ các nguyên vật liệu khác nhau.
37	MT 37: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái)
38	MT 38: Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Biết được các thời điểm xảy ra trong ngày theo thứ tự như buổi sáng, trưa, chiều, tối. .
39	MT 39: Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Bé biết gì về bản thân. - Trả lời các câu hỏi của người khác khi hỏi về bản thân trẻ.
40	MT 40: Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Kể về người thân của bé. - Trò chuyện với người khác về người thân của mình: Họ tên, công việc, đặc điểm...qua giao tiếp hoặc qua xem tranh, ảnh.
41	MT 41: Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố / thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Nhà bé ở đâu? - Trả lời và giới thiệu về địa chỉ gia đình khi được hỏi: Số nhà, tổ, phường...
42	MT 42: Nói tên và địa chỉ	- Tên, địa chỉ của trường, lớp.

	của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tìm hiểu về trường mầm non. - Tìm hiểu về lớp học của bé - Trả lời tên, địa chỉ của trường, lớp học khi người khác hỏi.
43	MT 43: Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Trường mầm non thân yêu. - Trả lời các thông tin về tên, công việc của cô giáo, bác lao công, bác bảo vệ, cô nuôi, cô y tế, các cô ban giám hiệu...khi được hỏi, trò chuyện.
44	MT 44: Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Biết được tên, đặc điểm, sở thích của các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
45	MT 45: Kể tên công việc, công cụ, sản phẩm/lợi ích... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Khám phá một số nghề: Tên gọi, công cụ, sản phẩm, ý nghĩa của các nghề phổ biến: Bán hàng, giáo viên, bác sỹ, bộ đội, công an, ca sỹ, thợ mộc.... - Khám phá các ngành nghề truyền thống của địa phương.
46	MT 46: Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Tên, đặc điểm, hoạt động của một số ngày lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày 20/11; Tết nguyên đán; Ngày 1/6; ngày 8/3; ngày 22/12; Ngày sinh nhật Bác.... - Các hoạt động chương trình lễ hội: Trung thu trong mắt bé, gói bánh chưng ngày tết cổ truyền, làm quà tặng bà, tặng mẹ...
47	MT 47: Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Tên gọi, đặc điểm, nét đặc trưng của các danh lam, thắng cảnh ở Gia Nghĩa, địa phương: Thác, chùa, thuyền viện, Tà Đùng, công viên, Tượng Đài. Tham quan đài tưởng niệm các Anh hùng Liệt sĩ.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
48	MT 48: Thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa	- Giao nhiệm vụ cho trẻ, giúp trẻ hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. (VD: Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng)

	màu vàng”	- Tổ chức cho trẻ thực hiện yêu cầu qua một số trò chơi
49	MT 49: Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Phát triển vốn từ cho trẻ: Các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng(đồ dùng, thực vật, động vật...) và các từ biểu cảm. - Nghe, hiểu nghĩa các từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...
50	MT 50: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Chú ý nghe người khác nói chuyện. - Trả lời và trò chuyện với người đối thoại. - Trẻ nói trọn câu, đủ ý trong các hoạt động. - Rèn luyện cho trẻ cách nói, cách diễn đạt mạch lạc, rõ ràng trong tất cả các hoạt động phát triển ngôn ngữ. - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
51	MT 51: Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động. - Phát triển vốn từ cho trẻ qua các hoạt động: đọc thơ, kể chuyện, ca dao, đồng dao.... - Sử dụng đúng các từ chỉ tên gọi, đặc điểm, hoạt động...
52	MT 52: Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Đặt câu hỏi cho trẻ, gợi mở cho trẻ đặt câu hỏi cho cô và bạn.
53	MT 53: Kể lại sự việc theo trình tự.	- Trẻ nghe, hiểu và kể lại sự việc hay một câu chuyện đúng trình tự.
54	MT 54: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. Hiểu nội dung của bài thơ ca, hò, vè...
55	MT 55: Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Nghe, hiểu nội dung chuyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Trẻ kể lại sự việc có nhiều tình tiết trong các hoạt động. - Kể chuyện có mở đầu và kết thúc.

56	MT 56: Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn của giáo viên. - Nghe, sử dụng các từ biểu cảm. - Thể hiện được giọng nói, điệu bộ nhân vật thông qua hoạt động: Kể lại chuyện và đóng kịch.
57	MT 57: Sử dụng các từ như: “Mời cô; “Mời bạn”; “Cảm ơn”; “Xin lỗi” trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép với cô giáo và người lớn. - Luyện các kỹ năng, hành vi văn minh trong ăn uống. - Kỹ năng sống: Học cách chào hỏi thưa gửi lễ phép. - Lịch sự trong giao tiếp và sinh hoạt với bạn.
58	MT 58: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Nói rõ ràng, vừa phải, đủ nghe, không hét. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp khi người lớn nhắc nhở.
59	MT 59: Chọn sách để xem. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh “Đọc” sách theo tranh minh họa “Đọc vẹt”	- Biết chọn sách, tranh truyện phù hợp với độ tuổi - Xem và nghe các loại sách khác nhau. - Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Làm quen với cách đọc theo trình tự - Hướng đọc ngắt nghỉ sau các dấu phẩy, chấm.
60	MT 60: Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hành động hoặc gọi tên nhân vật, hiện tượng qua tranh ảnh. - Chơi bắt chước tạo dáng các nhân vật trong tranh.
61	MT 61: Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)

62	MT 62: Sử dụng ký hiệu “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Biết sử dụng 1 số ký hiệu để phân biệt được sản phẩm của trẻ, đồ dùng cá nhân như: Ly, khăn mặt, tủ quần áo... - Nhận dạng 1 số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sử dụng ký hiệu cá nhân để “viết” vào sản phẩm tạo hình, vé tàu, thiệp chúc mừng....
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
63	MT 63: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của trẻ. - Tên bố, mẹ. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
64	MT 64: Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. - Bé thích được hỏi và trò chuyện về 1 số nghề....
65	MT 65: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Biết tổ chức một số trò chơi với bạn theo ý thích.
66	MT 66: Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Luôn cố gắng hoàn thành công việc được cô giao và được cô quan tâm, động viên khi bản thân hoàn thành công việc. - Thích thú khoe sản phẩm của mình với người khác và các bạn. Giữ gìn sản phẩm cẩn thận. - Thích nhìn và quý trọng sản phẩm của mình và bạn làm ra.
67	MT 67: Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, giọng nói, qua tranh, ảnh.	- Thể hiện cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh...
68	MT 68: Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Trẻ biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
69	MT 69: Nhận ra hình ảnh	- Qua kể chuyện, hát, đọc thơ về Bác Hồ.

	Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Xem tranh ảnh về Bác Hồ.
70	MT 70: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm về Bác qua kể chuyện, hát, đọc thơ về Bác Hồ....
71	MT 71: Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương: Tà Đùng, Thác 5 tầng, Chùa, thuyền viên, công viên, Tượng Đài.....Tham quan đài tưởng niệm các Anh hùng Liệt sĩ, lễ hội Liêng Nung, đua thuyền, cồng chiêng... - Khám phá một số danh lam thắng cảnh của Đất nước: Lăng Bác, Tràng An, Ninh Bình, Cố Đô Huế, Phong Nha Kẻ Bàng, Vịnh hạ Long....Lễ hội Hùng Vương...
72	MT 72: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi, cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Một số quy định ở lớp như để đồ dùng, đồ chơi đúng quy định.
73	MT 73: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi...) - Bé nói lời cảm ơn, xin lỗi phù hợp.
74	MT 74: Chú ý nghe cô nói, bạn nói.	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, không cắt ngang, không nói leo trong tất cả các hoạt động. - Đọc thơ, kể chuyện, xem tranh về hành vi văn minh trong giao tiếp: Chú ý khi nghe cô, các bạn nói.
75	MT 75: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Biết chờ đến lượt không chen lấn xô đẩy khi lên xuống xe, cầu thang, siêu thị. - Trẻ kiên nhẫn, biết chờ đến lượt, hợp tác cùng cô và các bạn trong mọi hoạt động.

76	MT 76: Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Thỏa thuận, trao đổi và tham gia hoạt động nhóm, tập thể. - Lắng nghe bạn nói để trao đổi ý kiến của mình với các bạn. - Quan tâm, giúp đỡ bạn trong chơi, trực nhật,...
77	MT 77: Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Chăm sóc vườn hoa, vườn rau, khu vườn xinh của lớp. - Thực hành kỹ năng chăm sóc các con vật quen thuộc. - Xem video về cách chăm sóc cây cối, con vật.
78	MT 78: Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định. - Phân loại rác - Bỏ rác vào đâu ? - Tổ chức tổng dọn vệ sinh lớp học vào chiều thứ 6 hàng tuần.
79	MT 79: Không bẻ cành, bứt hoa.	- Biết chăm sóc cho cây. - Không hái hoa, bẻ cành. - Quan tâm bảo vệ môi trường:
80	MT 80: Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Có ý thức tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt, biết tắt quạt khi không dùng. - Lợi ích của điện nước trong cuộc sống.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
81	MT 81: Vui sướng, vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
82	MT 82: Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát bản	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hưởng ứng theo giai điệu bài hát, bản

	nhạc; thích nghe và đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	nhạc.
83	MT 83: Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Quan sát các tác phẩm nghệ thuật, các sản phẩm tạo hình. - Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình, của bạn, của cô giáo, các tác phẩm nghệ thuật khác. - Xem hình ảnh, video về các bức tranh nghệ thuật, các sản phẩm điêu khắc.
84	MT 84: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....
85	MT 85: Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa...)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm.
86	MT 86: Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp, sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Làm tranh từ nguyên vật liệu thiên nhiên. - Làm tranh từ nguyên, phế liệu, vật liệu tạo hình.
87	MT 87: Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng kỹ năng vẽ.... khéo léo để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. - Có kỹ năng phối màu, tô khéo léo, không chòem ra ngoài, tạo lên những bức tranh đẹp.
88	MT 88: Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét, bố cục.
89	MT 89: Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong	- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/

	đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	đường nét. - Nặn các con vật, đồ vật, dụng cụ, cây, hoa.... Nặn theo ý thích.
90	MT 90: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kiểu dáng, kích thước, hình dáng/đường nét.
91	MT 91: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng...	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét. - Giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn, của nhóm, lớp.
92	MT 92: Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
93	MT 93: Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
94	MT 94: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
95	MT 95: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

MỤC TIÊU – NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM KHỐI LÁ

TTMT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1	MT 1: Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân

		bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
2	MT 2: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	- Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn) đi trên ván kê dốc. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Đi bước qua chướng ngại vật.
3	MT 3: Kiểm soát được vận động.	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. + Chạy chậm khoảng 100 – 120m + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).
4	MT 4: Phối hợp tay, mắt trong vận động.	- Tung, ném, bắt, bước: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Tung bóng qua dây + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay. + Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay. + Ném xa bằng hai tay- chạy nhanh 15m. + Ném bóng trúng đích (70-100 cm)

		+ Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Chuyển bóng bên phải, bên trái - chạy chậm 100m. + Bước lên, xuống bậc cao ghế.
5	MT 5: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5 m. + Bò bằng khuỷu tay, khuỷu chân theo đường hẹp. + Bò đích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 giống thang. - Bật: + Bật qua vật cản cao 15 - 20 cm. + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. - Nhảy: + Nhảy lò cò 5 m. + Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục và đổi chân theo yêu cầu.
6	MT 6: Thực hiện được các vận động.	- Tự cài, cởi cúc, kéo khoá, khâu, luồn, buộc dây. - Cho trẻ thực hiện các loại cử động bàn tay, ngón tay, cổ tay, bẻ, nắn, thông qua các hoạt động: Thể dục, vẽ, múa, vận động...
7	MT 7: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động .	- Vẽ, đồ theo nét, sao chép chữ cái, chữ số. - Xé, cắt đường viền, vòng cung... - Lắp ráp, xếp chồng 12 – 15 khối - Ghép và dán các hình đã cắt - Dán các hình vào đúng vị trí.
8	MT 8: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. + Giàu chất đạm: Thịt, cá, trứng sữa + Giàu chất béo: Dầu các loại đậu

		+ Giàu chất bột đường: Gạo, bắp, ngô khoai sắn... + Giàu vitamin và muối khoáng: Trong rau, củ quả...
9	MT 9: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Kể tên được một số món ăn hàng ngày ở lớp, ở gia đình... - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống: + Thịt có thể luộc, rán, kho + Gạo nấu cơm, nấu cháo... + Rau có thể luộc, nấu canh
10	MT 10: Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất để đảm bảo sức khỏe. - Không ăn, uống những thứ có hại cho sức khỏe : + Trẻ nhận biết được một số đồ ăn, đồ uống không tốt cho sức khỏe như: Các đồ ăn ôi thiu, rau quả khi chưa rửa sạch, nước lã, rượu, bia,... + Nhận ra được dấu hiệu của một số đồ ăn, bị nhiễm bẩn, ôi thiu, không rõ nguồn gốc...
11	MT 11: Thực hiện được một số việc đơn giản.	- Tự mặc được quần áo đúng cách và cất đúng nơi quy định. - Tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. - Khi rửa tay không vẩy nước ra ngoài, không làm ướt quần áo - Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng đúng theo quy trình. - Có thói quen che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp ở mọi lúc, mọi nơi. - Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
12	MT 12: Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành	- Lựa chọn và sử dụng đồ dùng ăn uống phù hợp.

	thạo.	
13	MT 13: Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống.	- Ngồi đúng vị trí, không làm rơi vãi thức ăn - Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để đảm bảo sức khỏe. - Biết mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn. - Ăn hết khẩu phần của mình - Biết ăn quà vặt, uống nước lã là không tốt cho sức khỏe.
14	MT 14: Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể: + Rèn luyện thói quen vệ sinh răng miệng hàng ngày + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. + Rèn thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định + Vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con + Biết nhắc nhở bạn cùng vệ sinh răng miệng + Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. + Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. + Biết bỏ rác đúng nơi qui định + Không nhổ bậy ra lớp, nơi công cộng... + Nghỉ ngơi, ngủ đúng giờ để đảm bảo sức khỏe. + Biết tự đắp chăn khi trời lạnh.
15	MT 15: Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối quan hệ nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc nhọn.	- Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm - Không nghịch các vật sắc, nhọn: Như dao, kéo...

16	MT 16: Biết những nơi như: Ao, hồ, bể chứa nước, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	- Biết phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng như: Ao, hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...nơi mất vệ sinh không đến gần...
17	MT 17: Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.	- Biết không được cười đùa khi ăn, uống những loại quả có hạt - Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Biết và không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe - Nhận ra sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
18	MT 18: Nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, nổ, có bạn, bị rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn : + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
19	MT 19: Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	- Khi ở gia đình phải nghe lời người thân, không tự ý đi chơi, không ra ngoài đường một mình... - Khi ở trường về nhà, không tự ý đi chơi, không đi theo người lạ, nhận quà của người lạ khi không được phép của cô giáo... - Ở nơi công cộng: Không leo trèo cây, ban công, tường rào, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy...đi sang đường phải có người lớn dắt.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
20	MT 20: Tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như:	+ Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa, đặc điểm của các mùa nơi trẻ sống. + Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật

	Đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng: “Tại sao có mưa”	và cây theo mùa. + Trẻ quan sát bầu trời và dự đoán sắp có mưa, hay nắng... + Sự khác biệt của các mùa trong năm..
21	MT 21: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	+ Trẻ thảo luận về đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. + Biết sắp xếp và gọi tên nhóm cây, con vật theo đặc điểm chung như: nhóm cây ăn quả, nhóm cây dây leo...; nhóm gia súc, nhóm gia cầm...
22	MT 22: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển...So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây
23	MT 23: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	- Xem sách, tranh ảnh, video... - Chia sẻ và thảo luận về các thông tin thu thập được - Giải quyết các vấn đề bằng nhiều cách
24	MT 24: Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- So sánh, phân loại các đối tượng theo 2-3 dấu hiệu khác nhau. - Hoàn thành các bài tập, trò chơi phân nhóm theo 2-3 dấu hiệu. - Làm các bài tập, trò chơi tìm đối tượng không cùng nhóm. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.

25	MT 25: Phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm (CS 51).	- Quan sát và nhận biết một số đặc điểm nổi bật của sự vật (màu sắc, hình dạng, kích thước, chất liệu, công dụng...). - Thực hiện phân loại sự vật theo một đặc điểm chung (ví dụ: nhóm đồ chơi bằng nhựa, nhóm quả màu đỏ, nhóm hình tròn...). - Gọi tên nhóm sau khi phân loại (ví dụ: nhóm hoa, nhóm quả, nhóm con vật, nhóm đồ dùng học tập...). - So sánh, nói được sự giống nhau và khác nhau giữa các nhóm sự vật. - Tham gia các trò chơi, hoạt động học tập có nội dung phân loại sự vật theo nhóm.
26	MT 26: Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
27	MT 27: Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Trẻ biết xử lý, thương lượng, trao đổi một số vấn đề trong các hoạt động.
28	MT 28: Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Mặt trời, mặt trăng... - Phân biệt điểm giống và khác nhau, của các đối tượng được quan sát.(Con vật, đồ vật, con người...)
29	MT 29: Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Nêu ý kiến của bản thân thông qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình - Các hoạt động giáo dục.
30	MT 30: Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày theo các bước đơn	- Nhận biết tình huống có vấn đề khi sử dụng công nghệ số trong sinh hoạt hằng ngày (ví dụ: máy tính bảng không mở được, điện thoại hết pin, không tìm thấy nút bấm...). - Biết trao đổi, chia sẻ với người lớn khi gặp khó

	giảm khi tiếp cận công nghệ số (CS 54).	khẩn để tìm giải pháp phù hợp.
31	MT 31: Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: Bao nhiêu? Đây là mấy?....	- Lấy và đếm đồ dùng, đồ chơi. - Đặt câu hỏi cái gì ? Mấy ? Là mấy ? Có bao nhiêu ? Số mấy ?... - Thích đếm và hay đếm trên mọi đối tượng.
32	MT 32: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Đếm theo khả năng của trẻ. - Đếm, so sánh, thêm bớt số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: + Bằng nhau + Nhiều nhất + ít hơn + ít nhất
33	MT 33: Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
34	MT 34: Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
35	MT 35: Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...)
36	MT 36: Biết sắp xếp các đối tượng	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình

	theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	mới theo ý thích và theo yêu cầu.
37	MT 37: Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Nói được cách sắp xếp theo ý thích và khả năng. - Tạo ra một số qui tắc sắp xếp. bằng các cách khác nhau.
38	MT 38: Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
39	MT 39: Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - So sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa hai khối. - Nói được hình dạng tương tự của một số đồ chơi, đồ vật quen thuộc khác (Ví dụ quả bóng có hình dạng quả cầu, cái tủ hình khối...)
40	MT 40: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
41	MT 41: Gọi đúng tên các thứ trong tuần các mùa trong năm.	- Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự. - Nói được ngày đầu tuần và ngày cuối tuần - Nói được trong tuần ngày nào đi học, ngày nào nghỉ ở nhà - Biết hôm qua, hôm nay, ngày mai - Gọi tên các thứ, ngày trong tuần. - Gọi đúng tên và phân biệt rõ các mùa trong năm: Xuân, hạ, thu đông.
42	MT 42: Xác định giờ đúng trên đồng hồ (CS 49).	- Nhận biết được cấu tạo đơn giản của đồng hồ (mặt số, kim ngắn, kim dài). - Hiểu ý nghĩa của kim ngắn chỉ giờ, kim dài chỉ phút.

		- Xác định được giờ đúng (1 giờ, 2 giờ, ... 12 giờ) trên đồng hồ kim hoặc đồng hồ điện tử.
43	MT 43: Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
44	MT 44: Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Nhu cầu của gia đình.
45	MT 45: Nói địa chỉ gia đình, số nhà, đường phố, thôn, xóm, số điện thoại....khi được hỏi trò chuyện.	- Trẻ nói địa chỉ gia đình: + Số nhà, đường phường/TP/tỉnh...), + Số điện thoại gia đình, người thân...
46	MT 46: Nhận biết một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên (CS 50).	- Trẻ biết kể tên địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống: Công viên, trường học, chợ, bệnh viện, siêu thị.... - Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây... - Một số đặc điểm, tính chất của nước. Không khí, các nguồn nước, ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
47	MT 47: Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Trẻ mô tả những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non. + Biết tên trường, lớp + Địa chỉ của trường + Các hoạt động được tổ chức trong trường, lớp

48	MT 48: Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo, các cô bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. + Biết tên cô hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, y tế, kế toán, bảo vệ, bảo mẫu...các cô giáo và công việc của từng người.
49	MT 49: Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, đặc điểm, sở thích của các bạn - Trò chuyện về các bạn ở lớp - Biết tên, đặc điểm của các bạn nổi bật trong lớp.
50	MT 50: Nói đặc điểm và sự khác nhau của 1 số nghề.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Trẻ biết được nghề nông làm ra nhiều sản phẩm như: lúa gạo,... nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới.
51	MT 51: Giải thích mối quan hệ giữa đặc điểm của một số loài động vật, thực vật...với môi trường sống (CS 52).	- Quan sát và nhận biết một số đặc điểm cơ bản của động vật, thực vật (màu sắc, hình dáng, bộ phận, tập tính...). - Nhận biết môi trường sống quen thuộc của chúng (trên cạn, dưới nước, trong không khí...). - Giải thích được mối quan hệ giữa đặc điểm với môi trường sống - Tham gia hoạt động khám phá khoa học, trò chơi phân loại – ghép đôi động vật, thực vật với môi trường sống phù hợp
52	MT 52: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.	- Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước: + Trẻ biết ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên
53	MT 53: Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Tên gọi, đặc điểm, nét đặc trưng của các danh lam, thắng cảnh ở địa phương: Thác 5 tầng, Tà Đùng, chùa,...Tham quan đài tưởng niệm các Anh hùng Liệt sĩ. - Khám phá một số danh lam thắng cảnh của Đất nước: Lăng Bác, Tràng An, Ninh Bình, Cổ Đô Huế, Phong Nha Kẻ Bàng, Vịnh hạ Long....

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

54	MT 54: Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp + Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái A đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ B đứng sang bên trái. - Không nói ngọng, nói lắp - Nói đủ câu để người khác hiểu được.
55	MT 55: Hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. + Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ - Đàm thoại, trò chuyện, trao đổi, nhận xét. - Các hoạt động giáo dục (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..)
56	MT 56: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Biết lắng nghe và trao đổi, đưa ra ý kiến của bản thân và nhận xét các ý kiến với người đối thoại.
57	MT 57: Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự - Kể lại sự việc đã nghe, thấy một cách rõ ràng, theo trình tự cho người khác - Kể có minh họa động tác, hình ảnh.
58	MT 58: Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.	- Biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh
59	MT 59: Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
60	MT 60: Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách,	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.

	trạng thái, ... của nhân vật.	
61	MT 61: Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
62	MT 62: Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể truyện sáng tạo theo khả năng và ý thích của mình
63	MT 63: Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai các nhân vật trong các câu chuyện theo chủ đề, đề tài, hoạt cảnh. - Tổ chức hoạt động đóng kịch. - Cho trẻ thể hiện các vai của một số nhân vật trong truyện.
64	MT 64: Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- Lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
65	MT 65: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Điều chỉnh được cường độ giọng nói lên , xuống, to, nhỏ phù hợp với tình huống với ngữ cảnh.
66	MT 66: Chọn sách để “đọc” và xem. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.?	- Thích xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn, bảo vệ sách. - Chọn sách xem và đọc phù hợp với độ tuổi - Hướng đọc: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
67	MT 67: Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh	- Kể chuyện theo tranh minh họa. - Kể chuyện sáng tạo của trẻ.

	nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật
68	MT 68: Nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
69	MT 69: Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái. + Qua các trò chơi + Qua các thẻ chữ cái + Chữ các có trong từ, trong thơ, truyện... - Phát âm chính xác các chữ cái đã học
70	MT 70: Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
71	MT 71: Thích và có hành vi phù hợp với việc vẽ, “viết” (CS 40).	- Thể hiện hứng thú khi tham gia các hoạt động vẽ hoặc “viết” (tô màu, vẽ tranh, vẽ theo mẫu, vẽ tự do, tập tô, đồ chữ...). - Biết cách cầm bút, sử dụng giấy, bảng hoặc các dụng cụ vẽ/“viết” đúng cách. - Giữ gìn dụng cụ vẽ, bút, giấy, không làm hỏng hoặc vẽ bậy lên đồ vật không phù hợp. - Hoàn thành sản phẩm vẽ hoặc “viết” theo khả năng của bản thân. - Chia sẻ sản phẩm với bạn bè, người lớn và cất giữ đúng nơi quy định.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
72	MT 72: Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà, số điện thoại.	- Trẻ nói tên, tuổi, giới tính của bản thân của mình khi được hỏi và trò chuyện trong giao tiếp. - Nói đầy đủ họ tên của bố mẹ, biết được địa chỉ gia đình ở đường, tổ, phường, TP, tỉnh....
73	MT 73: Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Sở thích, khả năng của bản thân.

	làm được và việc gì bé không làm được.	- Vị trí trách nhiệm của bản thân trong lớp học.
74	MT 74: Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)
75	MT 75: Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình. - Yêu mến bố mẹ, cô giáo, người thân... - Quan tâm giúp đỡ đến người thân trong gia đình. - Giúp cô một số việc vừa sức khi được giao nhiệm vụ
76	MT 76: Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Tự giác làm một số việc đơn giản mà không cần sự nhắc nhở của người lớn
77	MT 77: Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động, công việc được giao. - Thích thú khi hoàn thành công việc được giao
78	MT 78: Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
79	MT 79: Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
80	MT 80: Biết an ủi và chia vui với	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.

	người thân và bạn bè.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn và người thân
81	MT 81: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Nhận ra Bác Hồ qua hình ảnh, video, sách báo, ti vi... - Một số địa điểm gắn với hoạt động công việc, nơi ở của Bác : Bến nhà rồng, quê Bác, khu di tích Pác bó.....
82	MT 82: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Tự tin thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
83	MT 83: Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp. - Một số lễ hội, nét văn hóa truyền thống của quê hương, đất nước thông qua : + Trò chuyện + Xem tranh ảnh họa báo, ti vi + Tham quan du lịch...
84	MT 84: Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Chấp hành tốt một số quy định : + Khi ở lớp biết nghe lời cô, trật tự khi ăn, khi ngủ, cất dọn đồ dùng sau khi hoạt động, cất đúng nơi quy định... + Khi ở gia đình biết vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép... + Nơi công cộng biết đi bên phải lề đường...giữ gìn vệ sinh chung, không ồn ào, xô đẩy.
85	MT 85: Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra. (CS 27).	- Trẻ biết kể lại hoặc nói cho người khác nghe chính xác điều mình đã nhìn thấy, nghe thấy hoặc trải qua, không thêm bớt, không bịa đặt. - Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau.

86	MT 86: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự khi được quan tâm và giúp đỡ.
87	MT 87: Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. Biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng ý kiến của người khác, chăm chỉ khi cô, bạn đang nói. - Biết hợp tác, chấp nhận, vui vẻ hòa đồng trong các hoạt động. Có ý thức tuân theo trật tự, chờ đến lượt tham gia hoạt động (xếp hàng, chia quà...) - Biết nhắc nhở các bạn chờ đến lượt
88	MT 88: Thích ứng với các hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi. (CS 25).	- Trẻ biết tham gia và hòa nhập với các hoạt động diễn ra xung quanh trong gia đình, lớp học, trường học hoặc cộng đồng gần gũi (Ví dụ: Chơi cùng bạn, chào hỏi người lớn, tham gia văn nghệ, lễ hội, trò chơi tập thể...)
89	MT 89: Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	+ Lắng nghe ý kiến của người khác + Biết trao ý kiến của mình với bạn... + Biết thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn trong các hoạt động...
90	MT 90: Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”. - Biết chia sẻ đồ dùng đồ chơi khi chơi cùng nhau - Không tranh giành đồ chơi. - Chấp nhận nhường nhịn để giải quyết vấn.
91	MT 91: Nhận biết thể hiện thái độ phù hợp với người khác và môi trường (CS 22).	- Trẻ nhận biết được hành vi, thái độ phù hợp và chưa phù hợp khi giao tiếp với người khác - Trẻ biết thể hiện thái độ tôn trọng, hợp tác với bạn bè, người lớn. - Trẻ nhận biết được hành vi đúng và sai đối với môi trường. - Trẻ thể hiện hành vi bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi
92	MT 92 : Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác. (CS 29)	- Rèn tính trung thực, trách nhiệm và tạo niềm tin với người khác.

93	MT 93: Thể hiện hành vi ứng xử văn hóa với người khác và môi trường .(CS 23).	- Phân biệt người lạ người quen. - Không theo khi người lạ rủ. - Xin phép người thân khi nhận quà của người lạ. - Kêu cứu, kêu người giúp đỡ khi bị người lạ ép đi theo. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi đúng sai và tốt, xấu
94	MT 94: Bỏ rác đúng nơi quy định. Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Rèn thói quen bỏ rác đúng nơi quy định - Giữ gìn vệ sinh môi trường - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
95	MT 95: Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường.	- Biết nhắc nhở người khác cùng thực hiện như: + Không xả rác bừa bãi, + Không bẻ cành, hái hoa... + Biết thu dọn đồ dùng đồ chơi sạch sẽ, gọn gàng sau khi chơi.
96	MT 96: Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước: + Biết tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng +Biết sử dụng nước vừa đủ và tắt vòi nước khi không sử dụng - Biết ăn hết thức ăn khẩu phần của mình và nhắc nhở bạn cùng thực hiện.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
97	MT 97: Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe: + Âm thanh gợi cảm, sôi động, trầm lắng + Các bài hát, bản nhạc vui, buồn + Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

98	MT 98: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). + Hưởng ứng hát theo + Nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp. - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc - Nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện phù hợp độ tuổi.
99	MT 99: Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về: + Về màu sắc + Về hình dáng + Về bố cục của các tác phẩm nghệ thuật.
100	MT 100: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	+ Hát đúng giai điệu, lời ca phù hợp với độ tuổi. + Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ.
101	MT 101: Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. + Vỗ tay theo tiết tấu nhanh, chậm, + Vỗ tay theo nhịp, theo phách.. + Vận động múa minh họa theo nội dung bài hát.
102	MT 102: Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tại địa

	nhiên để tạo ra sản phẩm.	phương để sáng tạo thành sản phẩm theo ý thích.
103	MT 103: Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng vẽ: nét cong, nét xiên, nét gấp khúc... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.
104	MT 104: Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng cắt thẳng, cắt lượn, cắt cong, xé dải, xé vụn và dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.
105	MT 105: Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng nặn như làm lõm, bẻ loa, gấn nổi, dàn mỏng, ấn bẹt... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục. - Trẻ chọn nguyên vật liệu phù hợp và sử dụng các kĩ năng để in, khắc, đắp... tạo thành sản phẩm theo ý thích.
106	MT 106: Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng xếp hình như xếp cạnh, xếp chồng, xếp cách, xếp đan xen, xếp với nhiều cách sáng tạo có cấu trúc phức tạp, kiểu dáng đẹp, kích thước và tỉ lệ phù hợp để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Sử dụng, lựa chọn các hoạ tiết, hình mảng, màu sắc phù hợp để trang trí, cách điệu tạo thành sản phẩm.
107	MT 107: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng/ đường nét và bố cục. - Chia sẻ, đưa ra ý kiến của mình qua sản phẩm của mình, của bạn
108	MT 108: Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
109	MT 109: Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày	- Trẻ biết tạo cái đẹp trong không gian sống qua việc sắp xếp, trang trí, làm đồ vật. - Trẻ thể hiện cái đẹp trong hành vi ứng xử: lời nói,

	theo cách riêng (như cắm hoa, sắp đặt đồ vật, có lời nói /cử chỉ lịch sự /nhân ái...) (CS 63).	cử chỉ lịch sự, nhân ái. - Trẻ có sự sáng tạo, tự tin, và niềm vui khi tạo ra cái đẹp.
110	MT 110: Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp).
111	MT 111: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
112	MT 112: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình. - Biết giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn

* Đối với khối Lá đã lựa chọn thêm một vài chỉ số phù hợp trong bộ chuẩn để xây dựng mục tiêu năm học và chủ đề để thực hiện cho đảm bảo nội dung.

*** Dự kiến các chủ đề trong năm học**

Chương trình thiết kế từ 9 - 10 chủ đề cho 35 tuần/khối. Mỗi tuần 5 ngày áp dụng theo độ tuổi nhà trẻ, mầm, chồi, lá.

Khối nhà trẻ, mầm, chồi: 9 chủ đề với 35 tuần

Khối Lá: 10 chủ đề với 35 tuần thực hiện theo chương trình

Dưới đây là dự kiến các chủ đề và phân phối thời gian cho từng chủ đề của từng khối, lớp năm học 2025 – 2026 cho toàn trường. Trong quá trình thực hiện chủ đề các khối, lớp có thể điều chỉnh, bổ sung thêm chủ đề phát sinh trong tháng như: Ngày lễ, hội, các sự kiện....

Dựa vào kế hoạch này, tổ khối, giáo viên xây dựng kế hoạch năm, chủ đề, tuần cho khối, lớp của mình. Lựa chọn mục tiêu, xây dựng nội dung, các hoạt động, sắp xếp lịch tuần, chuẩn bị đồ dùng dạy học và tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục hàng ngày theo kế hoạch đã dự định.

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM KHỐI NHÀ TRẺ

Tên chủ đề	Số tuần	Nhánh hoạt động	Thời gian	Lễ hội & sự kiện
Chủ đề 1: Bé với trường	1	- Trường Mầm non của bé	08/09 - 12/09	
	1	- Lớp học của bé	15/09 - 19/09	
	1	- Cô giáo của bé	22/09 - 26/09	

Mầm Non	1	- Các cô, bác trong trường	29/09 - 03/10	
Chủ đề 2: Bé và các bạn	1 1 1 1	- Bé là ai ? - Các bạn của bé - Các bộ phận trên cơ thể bé - Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	06/10 - 10/10 13/10 - 17/10 20/10 - 24/10 27/10 - 31/10	Tết trung thu PNVN 20/10
Chủ đề 3: Gia đình của bé	1 1 1 1	- Người thân của bé - Ngôi nhà của bé - Đồ dùng trong gia đình nhà bé - Công việc của người thân trong gia đình bé.	03/11 - 07/11 10/11 - 14/11 17/11 - 21/11 24/11 - 28/11	Mừng ngày nhà giáo VN 20/11
Chủ đề 4: Đồ dùng, đồ chơi của bé	1 1 1 1	- Đồ dùng của bé - Những đồ chơi chuyển động - Đồ chơi lắp ráp xây dựng - Đồ chơi bé thích	01/12 - 05/12 08/12 - 12/12 15/12 - 19/12 22/12 - 26/12	Ngày thành lập QĐNDVN
Chủ đề 5: Những con vật đáng yêu	1 1 1 1	- Những chú vật nuôi trong gia đình - Con vật sống trong rừng - Con vật sống dưới nước - Một số côn trùng quanh bé	29/12 - 02/01 05/01 - 09/01 12/01 - 16/01 19/01 - 23/01	Tết dương lịch
Chủ đề 6: Thực vật- tết và mùa xuân	1 1 1 1	- Bé yêu cây xanh - Tết và mùa xuân - Một số loại hoa, quả - Một số loại rau, củ	26/01 - 30/01 02/02 - 06/02 09/02 - 13/02 23/02 - 27/02	Tết Nguyên Đán Ngày
Chủ đề 7: Phương tiện giao thông	1 1 1 1	- Bé với GT đường bộ - Bé với GT đường thủy - Bé với GT đường hàng không - Bé đi đường an toàn	02/03 - 06/03 09/03 - 13/03 16/03 - 20/03 23/03 - 27/03	QTPN 8/3
Chủ đề 8: Nước và hiện tượng tự nhiên	1 1 1	- Bé biết gì về thời tiết - Sự cần thiết của nước. - Một số mùa bé biết	30/03 - 03/04 06/04 - 10/04 13/04 - 17/04	Giỗ tổ Hùng Vương
Chủ đề 9: Mùa hè - bé lên mẫu giáo	1 1 1 1	- Mùa hè của bé - Trang phục mùa hè - Lớp học mẫu giáo - Các hoạt động của lớp mẫu giáo	20/04 - 24/04 27/04 - 01/05 04/05 - 08/05 11/05 - 15/05	Giải phóng miền nam Mừng sinh nhật Bác
Tổng: 9 chủ đề - Xây dựng 35 tuần				

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM KHỎI MÀM

Tên chủ đề	Số tuần	Nhánh hoạt động	Thời gian	Lễ hội & sự kiện
Chủ đề 1: Trường Mầm Non	1 1 1 1	- Trường mầm non Sơn Ca của bé - Các hoạt động trong trường Mầm non - Lớp học của bé - Đồ dùng, đồ chơi trong Trường mầm non	08/09 - 12/09 15/09 - 19/09 22/09 - 26/09 29/09 - 03/10	
Chủ đề 2: Bản Thân	1 1 1 1	- Bé là ai? - Bé có gì trên cơ thể - Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh - Nhu cầu của bé	06/10 - 10/10 13/10 - 17/10 20/10 - 24/10 27/10 - 31/10	Tết trung thu PNVN 20/10
Chủ đề 3: Gia đình của bé	1 1 1 1	- Gia đình của bé - Ngôi nhà gia đình của bé - Đồ dùng trong gia đình - Nhu cầu của gia đình bé	03/11 - 07/11 10/11 - 14/11 17/11 - 21/11 24/11 - 28/11	Mừng ngày nhà giáo VN 20/11
Chủ đề 4: Nghề Nghiệp	1 1 1 1	- Một số nghề phổ biến trong xã hội - Nghề sản xuất - Bé yêu chú bộ đội - Nghề dịch vụ	01/12 - 05/12 08/12 - 12/12 15/12 - 19/12 22/12 - 26/12	Ngày thành lập QĐNDVN
Chủ đề 5: Những con vật đáng yêu	1 1 1 1	- Vật nuôi trong gia đình - Con vật sống trong rừng - Con vật sống dưới nước - Côn trùng và chim	29/12 - 02/01 05/01 - 09/01 12/01 - 16/01 19/01 - 23/01	Tết dương lịch
Chủ đề 6: Thực vật - tết và mùa xuân	1 1 1 1	- Bé yêu cây xanh - Tết và mùa xuân - Một số loại rau, củ, quả - Cây lương thực	26/01 - 30/01 02/02 - 06/02 09/02 - 13/02 23/02 - 27/02	Tết Nguyên Đán Ngày
Chủ đề 7: Phương tiện giao thông	1 1 1 1	- Phương tiện giao thông đường bộ - Phương tiện giao thông đường thủy - PTGT đường hàng không, đường sắt - Bé với luật lệ giao thông	02/03 - 06/03 09/03 - 13/03 16/03 - 20/03 23/03 - 27/03	QTPN 8/3
Chủ đề 8: Nước và hiện tượng tự nhiên	1 1 1	- Hiện tượng tự nhiên - Các mùa trong năm - Nước, đất, đá, cát, sỏi	30/03 - 03/04 06/04 - 10/04 13/04 - 17/04	Giỗ tổ Hùng Vương
Chủ đề 9:	1	- Đất nước Việt Nam diệu kỳ	20/04 - 24/04	Giải

QH- ĐNBH	1	- Gia nghĩa của bé	27/04 - 01/05	phóng
	1	- Tây nguyên mến yêu	04/05 - 08/05	miền nam
	1	- Bác Hồ kính yêu	11/05 - 15/05	Mừng sinh nhật Bác
Tổng: 9 chủ đề - Xây dựng 35 tuần				

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM KHÔI CHỞI

Tên chủ đề	Số tuần	Nhánh hoạt động	Thời gian	Lễ hội & sự kiện
Chủ đề 1: Trường Mầm Non	1 1 1 1	- Trường mầm non Sơn Ca của bé - Các hoạt động trong trường Mầm non - Lớp học của bé - Đồ dùng, đồ chơi trong Trường mầm non	08/09 - 12/09 15/09 - 19/09 22/09 - 26/09 29/09 - 03/10	
Chủ đề 2: Bản Thân	1 1 1 1	- Bé là ai? - Bé có gì trên cơ thể - Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh - Nhu cầu của bé	06/10 - 10/10 13/10 - 17/10 20/10 - 24/10 27/10 - 31/10	Tết trung thu PNVN 20/10
Chủ đề 3: Gia đình của bé	1 1 1 1	- Gia đình của bé - Ngôi nhà gia đình của bé - Đồ dùng trong gia đình - Nhu cầu của gia đình bé	03/11 - 07/11 10/11 - 14/11 17/11 - 21/11 24/11 - 28/11	Mừng ngày nhà giáo VN 20/11
Chủ đề 4: Nghề Nghiệp	1 1 1 1	- Một số nghề phổ biến trong xã hội - Nghề sản xuất - Bé yêu chú bộ đội - Nghề dịch vụ	01/12 - 05/12 08/12 - 12/12 15/12 - 19/12 22/12 - 26/12	Ngày thành lập QĐNDVN
Chủ đề 5: Những con vật đáng yêu	1 1 1 1	- Vật nuôi trong gia đình - Con vật sống trong rừng - Con vật sống dưới nước - Côn trùng và chim	29/12 - 02/01 05/01 - 09/01 12/01 - 16/01 19/01 - 23/01	Tết dương lịch
Chủ đề 6: Thực vật - tết và mùa xuân	1 1 1 1	- Bé yêu cây xanh - Một số loại rau, củ, quả - Cây lương thực - Tết và mùa xuân	26/01 - 30/01 02/02 - 06/02 09/02 - 13/02 23/02 - 27/02	Tết Nguyên Đán Ngày
Chủ đề 7: Phương tiện giao thông	1 1 1	- Phương tiện giao thông đường bộ - Phương tiện giao thông đường thủy - PTGT đường hàng không, đường sắt	02/03 - 06/03 09/03 - 13/03 16/03 - 20/03	QTPN 8/3

	1	- Bé với luật lệ giao thông	23/03 - 27/03	
Chủ đề 8: Nước và hiện tượng tự nhiên	1	- Hiện tượng tự nhiên	30/03 - 03/04	Giỗ tổ
	1	- Các mùa trong năm	06/04 - 10/04	Hùng
	1	- Nước, đất, đá, cát, sỏi	13/04 - 17/04	Vương
Chủ đề 9: QH- ĐNBH	1	- Đất nước Việt Nam diệu kỳ	20/04 - 24/04	Giải
	1	- Gia nghĩa của bé	27/04 - 01/05	phóng
	1	- Tây nguyên mến yêu	04/05 - 08/05	miền nam
	1	- Bác Hồ kính yêu	11/05 - 15/05	Mừng sinh nhật Bác
Tổng: 9 chủ đề - Xây dựng 35 tuần				

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM KHỎI LÁ

Tên chủ đề	Số tuần	Nhánh hoạt động	Thời gian tiến hành Lễ hội & sự kiện
Chủ đề 1: Trường Mầm Non	3	- Trường mầm non sơn ca của bé - Lớp học của bé - Đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non	08/09 - 26/09/2025
Chủ đề 2: Bản Thân	3	- Bé là ai? - Bé có gì trên cơ thể - Nhu cầu của bé	29/09 - 17/10/2025 Tết trung thu Ngày PNVN
Chủ đề 3: Gia đình	4	- Gia đình của bé - Ngôi nhà gia đình của bé - Đồ dùng trong gia đình - Nhu cầu của gia đình bé	20/10 - 14/11/2025
Chủ đề 5: Nghề Nghiệp	4	- Một số nghề phổ biến trong xã hội - Nghề sản xuất - Nghề dịch vụ - Bé yêu cô giáo	17/11 - 12/12/2025 Mừng ngày nhà giáo VN
Chủ đề 4: Động vật	4	- Vật nuôi trong gia đình - Động vật sống trong rừng - Động vật sống dưới nước - Côn trùng và chim	15/12 - 9/01/2026 Ngày thành lập QĐNDVN Tết dương lịch

Chủ đề 6: Thực vật	4	- Bé yêu cây xanh - Tết và mùa xuân - Một số loại rau, củ, quả - Cây lương thực	12/01 - 06/02/2026 Tết nguyên đán
Chủ đề 7: Giao thông	4	- Phương tiện giao thông đường bộ - Phương tiện giao thông đường thủy - PTGT đường hàng không, đường sắt - Bé với luật lệ giao thông	09/02 - 13/03/2026 Ngày QTPN 8/3
Chủ đề 8: HTTN	3	- Hiện tượng tự nhiên - Các mùa trong năm - Nước, đất, đá, cát, sỏi	16/03 - 3/04/2026 Giỗ tổ Hùng Vương
Chủ đề 9: QH- ĐNBH	4	- Đất nước Việt Nam diệu kỳ - Gia nghĩa của bé - Tây nguyên mến yêu - Bác Hồ kính yêu	6/04 - 01/05/2026 QTLĐ 1/5 - Giải phóng miền nam 30/4
Chủ đề 10: Trường tiểu học	2	- Trường tiểu học của bé - Bé chuẩn bị vào lớp 1	04/05 - 15/05/2026 Mừng sinh nhật Bác
Tổng: 10 chủ đề - Xây dựng 35 tuần			

*** Phân phối thời gian**

Chương trình thực hiện được lồng ghép theo chủ đề vào quá trình dạy học, được áp dụng trong toàn trường.

Thời gian thực hiện chủ đề chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng trẻ dài hay ngắn tùy thuộc vào kế hoạch của giáo viên và thực tế của khối, lớp. Trong mỗi chủ đề khi xây dựng phải đảm bảo mục tiêu qua 5 mặt: Thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

Sau khi kết thúc chủ đề, giáo viên phải đánh giá, nhận xét kết quả mong đợi của chủ đề đó bằng phiếu đánh giá, đồng thời có biện pháp điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho chủ đề tới phù hợp và đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng trẻ theo yêu cầu của chương trình, thực tế nhận thức của trẻ ở lớp đó.

*** Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường**

Thời gian	Hoạt động
6h45 – 8h15	Đón trẻ, chơi, thể dục, điểm danh
8h15 – 8h55	Chơi, hoạt động ngoài trời
8h55 – 9h30	Hoạt động học

9h30 – 10h15	Chơi hoạt động góc
10h15 – 11h30	Vệ sinh – Ăn trưa
11h30 – 13h50	Ngủ trưa
13h50 – 15h00	Vệ sinh – Ăn bữa phụ
15h00 – 16h00	Chơi, hoạt động theo ý thích. Nêu gương (Chiều thứ 6)
16h00 – 17h00	Dọn dẹp đồ chơi, vệ sinh, trả trẻ

V. Dự kiến công tác trọng tâm tháng

Tháng	Nội dung công tác	Tổ chức thực hiện	Ghi chú
Tháng 8/2025	- Phối hợp nhà trường tuyển sinh năm học 2025 - 2026 - Lao động xung quang trường lớp, trang trí môi trường bên ngoài chuẩn bị cho năm học. - Tham gia học tập và nghiên cứu tài liệu làm bài kiểm tra chính trị. - Lập dự trù ấn phẩm và phát đồ dùng phục vụ công tác chuyên môn - Các lớp trang trí môi trường lớp học	- Ban tuyển sinh - Toàn trường - CBQL- GV - Giáo viên - Chuyên môn	
Tháng 9/2025	- Phối hợp nhà trường tổ chức khai giảng, năm học mới 2025-2026 - Tập huấn chuyên môn do SGD tổ chức - Thống nhất chương trình, các loại hồ sơ - Thực hiện chương trình KHCSGD từ ngày 8/9 - Cấp tài liệu, đồ dùng cho học sinh - Thực hiện nghiêm túc chương trình theo VBHN số 01/BGD&ĐT ban hành. - Duyệt kế hoạch năm, tổ khối, các lớp - Chấm trang trí lớp - Triển khai công tác học BDTX	- Toàn trường - Chuyên môn - CM - TK - GV - CM - TK - GV - Chuyên môn - Chuyên môn, giáo viên - Chuyên môn - BGH - TK - BGH - GV - CM - TK - GV	

	- Sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch - Tham gia hội nghị công nhân viên chức - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động tháng 9	- Toàn trường - Chuyên môn, tổ khối - GV	
Tháng 10/2025	- Tiếp tục duy trì rèn nề nếp dạy và học. - Phối hợp với nhà trường tổ chức hoạt động trải nghiệm trung thu cho bé - Kiểm tra nề nếp học tập một số lớp - Kiểm tra hồ sơ sổ sách đợt 1 - Thao giảng đợt 1 - Phối hợp với nhà trường trồng hoa cây cảnh tạo cảnh quan tham gia hội thi trường xanh - sạch - đẹp. - Thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục - Tiếp tục học BDTX - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động tháng 10	- Giáo viên - ĐTN – CM – GV - PHHS - Ban giám hiệu - Chuyên môn – TK - GV - BGH - GV - Giáo viên - Giáo viên - Chuyên môn - TK	
Tháng 11/2025	- Hội thi “Cô và bé với đồ dùng, đồ chơi tự tạo” cấp trường - Thi giáo viên giỏi cấp trường (nếu có) - Phối hợp với nhà trường tham gia các phong trào do ngành phát động. - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động tháng 11	- BGH – GV - HS - BGH - GV - Chuyên môn – TK - GV	
Tháng 12/2025	- Các tổ thực hiện dạy chuyên đề - Giám sát nề nếp lớp học - Tiếp tục học BDTX - Thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục - Trải nghiệm Chiến sỹ tỵ hon - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động	- TK - GV - BGH - CBQL – GV - Giáo viên - BGH – GV - PHHS	

	tháng 12		
Tháng 1/2026	- Kiểm tra hồ sơ đợt 2 - Tổ chức hoạt động “Ngày hội thể thao của Bé” - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động tháng 1	- Toàn trường - BGH – GV - PHHS - Chuyên môn – TK - GV	
Tháng 2/2026	- Phối hợp với nhà trường tổ chức cho trẻ trải nghiệm tết nguyên đán - Nghỉ tết nguyên đán. - Xét, công nhận sáng kiến kinh nghiệm - Học bồi dưỡng thường xuyên. - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động tháng 2	- Toàn trường - Toàn trường - BTC - GV - CBQL – GV - Chuyên môn – TK - GV	
Tháng 3/2026	- Thi rung chuông vàng - Ổn định nề nếp học sinh sau khi nghỉ tết. - Tiếp tục học BDTX - Duy trì tốt sĩ số học sinh - Thực hiện nghiêm túc chương trình - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động tháng 3	- BGH – GV - HS - Giáo viên - Giáo viên - CM - TK	
Tháng 4/2026	- Kiểm tra hồ sơ đợt 3 - Thao giảng đợt 2 - Đón đoàn phúc tra thi đua (nếu có) - Tiếp tục duy trì tốt nề nếp dạy và học. - Kiểm tra tổng hợp xếp loại bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động tháng 4.	- Chuyên môn - TK - Giáo viên - BGH – TK - GV - Chuyên môn - Ban chỉ đạo BDTX - Chuyên môn – TK - GV	
Tháng 5/2025	- Tổ chức cho trẻ tham quan trường tiểu học - Thực hiện nghiêm túc tiến độ chương trình. - Duyệt văn nghệ chuẩn bị cho ngày tổng	- Giáo viên – HSKL - Giáo viên - BGH – GV - BGH	

	kết. - Kiểm tra chất lượng trẻ 5 tuổi. - Xây dựng kế hoạch BDTX của cá nhân của khối năm học 2026 - 2027 - Tập văn nghệ chuẩn bị lễ tổng kết - Phối hợp tổ chức lễ tổng kết, lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động tháng 5	- Giáo viên - Giáo viên - BGH, các đoàn thể - Chuyên môn – TK - GV	
Tháng 6,7/2026	- Tổ chức dạy hè (nếu có) - Phân công trực hè - Nghỉ phép hè - Tham gia học bồi dưỡng nâng cao trình độ (nếu có) - Phối hợp tuyển sinh năm học 2026-2027	- Giáo viên - BGH - BGH - GV - Giáo viên - Ban tuyển sinh	
Tháng 08/2026	- Học chính trị và tập huấn chuyên môn hè 2026	- CBGV-NV	

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chăm sóc giáo dục năm học 2025 – 2026 của trường mầm non Sơn Ca. Trong quá trình thực hiện có thể thay đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

Nơi nhận

- Hiệu trưởng (báo cáo);
- Các tổ CM (thực hiện);
- Lưu: HSCM.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Lệ Quyên

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



